

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Số: 147/QLCD-SBM/CBTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Tên giao dịch: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Trụ sở chính: Số 20, Phố Trần Nguyên Hãn, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (024)37764615

Fax: (024)37764614

Mã chứng khoán: SBM

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Minh Tú

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để thực hiện việc Công bố thông tin theo đúng quy định, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính báo cáo tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các cơ quan quản lý công văn Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên;

- Lưu: BPQLCD

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**



*Vũ Minh Tú*

## THÔNG BÁO

### V/v: Mời họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021** của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh, như sau:

**1. Thời gian:** 14h00, Thứ 3, ngày 15 tháng 6 năm 2021

**2. Địa điểm:** Phòng họp Thăng Lợi 3, Khách sạn Thăng Lợi (Số 200, Phố Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội).

**3. Tài liệu thảo luận và xin ý kiến thông qua tại Đại hội:**

- Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động giai đoạn 2021 - 2025;
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
- Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Tờ trình Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận chia cổ tức, trích lập các quỹ;
- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2021;
- Tờ trình về việc Ban hành Quy chế quản trị năm 2021.

**4. Điều kiện tham dự:** các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tham dự ĐHCĐ cho Công ty được VSD chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 19/05/2021.

**5. Xác nhận tham dự Đại hội:** Để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu giấy Xác nhận/ Ủy quyền gửi kèm) và gửi về trụ sở Công ty tại: số 3 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội



theo đường bưu điện, fax, trực tiếp tới Công ty trước 12h00 ngày 12 tháng 6 năm 2020

**6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự mang theo các giấy tờ sau:** Thư mời họp; Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu; Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự và thư mời họp của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự)

**7. Tài liệu sử dụng tại Đại hội:** được đăng tải trên website <http://sbm.com.vn> của Công ty, đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu trước và mang theo để sử dụng trong Đại hội.

**8. Mọi chi tiết liên quan tới Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:** Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Ông Vũ Minh Tú - Giám đốc Công ty (Điện thoại 0903.421.421) hoặc Bà Nguyễn Thị Thảo - Bộ phận QLCD (Điện thoại: 0973.595.621)

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Thông báo này thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được Thư mời.

Trân trọng kính mời./.

**Nơi gửi:**

- Như kính gửi;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *Vez*



Nguyễn Văn Chiến







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
**BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : Số 20, Phố Trần Nguyễn Hãn, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 024.37764615 Fax : 024.37764614  
Website: sbm.com.vn Email: bacminh.sbm@gmail.com

*Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2021*

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh (SBM) trân trọng thông báo và kính mời Ông (Bà) đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh, như sau:

- 1. Thời gian:** 14h00, Thứ 3, ngày 15 tháng 6 năm 2021
- 2. Địa điểm:** Phòng họp Thăng Lợi 3, Khách sạn Thăng Lợi (Số 200, Phố Yên Phụ, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội).
- 3. Nội dung Đại hội:** Theo chương trình đính kèm
- 4. Điều kiện tham dự:** các Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tham dự ĐHĐCĐ cho Công ty được VSD chốt tại ngày đăng ký cuối cùng 19/05/2021.
- 5. Xác nhận tham dự Đại hội:** Để đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu giấy Xác nhận/ Ủy quyền gửi kèm) và gửi về trụ sở Công ty tại: số 3, An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội theo đường bưu điện, fax, trực tiếp tới Công ty trước 12h 00 ngày 12 tháng 6 năm 2021.
- 6. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền tham dự mang theo các giấy tờ sau:** Thư mời họp; Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu; Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự và thư mời họp của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự)
- 7. Tài liệu sử dụng tại Đại hội:** được đăng tải trên website <http://sbm.com.vn> của Công ty, đề nghị Quý cổ đông nghiên cứu và mang theo để sử dụng trong Đại hội.
- 8. Mọi chi tiết liên quan tới Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:** Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Ông Vũ Minh Tú - Giám đốc Công ty (Điện thoại: 0903.421.421) hoặc Bà Nguyễn Thị Thảo - Bộ phận QLCD (Điện thoại: 0973.595.621).

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời./.

T/M Hội đồng quản trị - SBM. *[Signature]*



Nguyễn Văn Chiến  
Chủ tịch



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## **GIẤY XÁC NHẬN**

**THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021**

Tên cá nhân/ tổ chức: .....

Số CMND/ĐKKD số:.....ngày cấp...../...../.....nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú/ Trụ sở:.....

Người đại diện:.....

Số CMND người đại diện: .....cấp ngày ...../...../.....tại: .....

Số điện thoại:..... Số fax: .....

Xác nhận sẽ tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được tổ chức vào 14h00 ngày 15 tháng 6 năm 2021 với:

Số cổ phần biểu quyết là:.....cổ phần.

(*Bằng chữ:* .....

***Trong đó:***

• Số cổ phần sở hữu là: ..... cổ phần.

• Số cổ phần được ủy quyền: ..... cổ phần.

(Gửi kèm theo đây: ..... Giấy ủy quyền).

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2021

**CỔ ĐÔNG**

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

### 1. Bên ủy quyền

Tên cá nhân/ Tổ chức: .....

Số CMND/ GPĐKKD: ..... cấp ngày ...../...../..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần.

(Bằng chữ:.....)

### 2. Bên được ủy quyền

Tên cá nhân: .....

Số CMND: ..... cấp ngày ...../...../..... tại .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền là: ..... cổ phần.

(Bằng chữ:.....)

### 3. Nội dung ủy quyền

Bên được ủy quyền có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh với tư cách là đại diện cho số cổ phần mà tôi ủy quyền.

### 4. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh.

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**BÊN ỦY QUYỀN**

(Ký và ghi rõ họ tên)





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ : Số 20, Phố Trần Nguyên Hãn, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội  
Điện thoại : 024.37764615 Fax : 024.37764614  
Website: sbm.com.vn Mail: bacminh.sbm@gmail.com

## **CHƯƠNG TRÌNH** **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

**Thời gian tổ chức:** 14h 00, Thứ Ba, ngày 15 tháng 6 năm 2021

**Địa điểm tổ chức:** Phòng họp Thăng Lợi 3, Khách sạn Thăng Lợi - Số 200, Phố Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội)

Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
14h 00 - 14h 30	- Đón tiếp Đại biểu và Cổ đông, kiểm tra tư cách Cổ đông - đăng ký dự họp. - Phát tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết.	Ban tổ chức
14h 30 - 14h 40	- Ổn định tổ chức chuẩn bị Đại hội. - Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.	Ban tổ chức
14h 40 - 14h 45	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội.	Ban kiểm tra tư cách Cổ đông
14h 45 - 14h 55	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu biểu quyết	Ban tổ chức
14h 55 - 15h 00	- Thông qua chương trình và Quy chế làm việc Đại hội	Đoàn chủ tịch
15h 00 - 16h 00	- Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động giai đoạn 2021-2025; - Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020	Đoàn chủ tịch



Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
	<p>và kế hoạch năm 2021;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;</li> <li>- Tờ trình về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</li> <li>- Tờ trình Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ và kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế.</li> <li>- Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động</li> <li>- Tờ trình về việc Ban hành Quy chế quản trị SBM</li> </ul>	
16h 00 - 16h 30	- Lấy ý kiến đóng góp của Cổ đông	Đoàn chủ tịch
16h 30 - 16h 40	- Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội	Đoàn chủ tịch
16h40 - 16h 45	- Công bố kết quả biểu quyết các nội dung ĐH	Ban kiểm phiếu
16h45 - 16h 55	- Thông qua Nghị quyết và biên bản Đại hội	Đoàn thư ký
16h55 - 17h00	- Tuyên bố bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tịch



BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

*CH*



**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021, đồng thời hướng dẫn cho Cổ đông tham gia Đại hội và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

**I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1. Cổ đông/ đại diện Cổ đông khi đến tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, sử dụng khẩu trang, nước sát khuẩn Ban tổ chức đã chuẩn bị, khai báo y tế, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách Cổ đông tại bàn tiếp đón. Cổ đông/ đại diện Cổ đông có yếu tố dịch tễ, ở vùng dịch khuyến cáo ủy quyền cho cá nhân khác (không có yếu tố dịch tễ, không đến từ vùng dịch) tham dự Đại hội.

2. Khi vào hội trường tổ chức Đại hội phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.

3. Không nói chuyện riêng, không hút thuốc lá, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động đề nghị tắt hoặc chế độ không chuông.

4. Các cổ đông/ đại diện Cổ đông có trách nhiệm tham dự ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/ đại diện Cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/ đại diện Cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức. Trường hợp cổ đông/ đại diện Cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông/ đại diện Cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

**II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

**1. Nguyên tắc:**



- Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách bỏ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/ hoặc người được ủy quyền khi cổ đông/ người được ủy quyền làm thủ tục đăng ký dự họp. Trên phiếu biểu quyết ghi rõ Mã số cổ đông, Họ tên và Số cổ phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

## **2. Phương thức biểu quyết:**

- Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết đối với một vấn đề bằng cách bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình tại Đại hội;

- Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền bỏ phiếu tán thành; không tán thành hoặc không có ý kiến đối với từng vấn đề trong Đại hội.

- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Đại hội, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn Đại hội.

## **3. Thể lệ biểu quyết**

- Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết.

- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

+ Báo cáo công tác hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động giai đoạn 2021 – 2025;

+ Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025;

+ Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;

+ Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ;

+ Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021;

+ Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động;

+ Tờ trình về việc Ban hành Quy chế quản trị SBM;

## **III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI**



- Cổ đông tham dự Đại hội sẽ phát biểu ý kiến trực tiếp tại Đại hội hoặc bằng cách ghi ý kiến phát biểu vào giấy và chuyển cho Ban tổ chức. Ban tổ chức sẽ có trách nhiệm chuyển tới Đoàn chủ tịch.

- Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông trực tiếp tại Đại hội và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình ĐHĐCĐ.

#### **IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH**

1. Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Đoàn chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Đoàn chủ tịch có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; yêu cầu những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

5. Đoàn chủ tịch có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự; có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình ĐH.

#### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
4. Kịp thời thông báo với Đoàn chủ tịch về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết.

## VI. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng Cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng Cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua./.

### Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đoàn chủ tịch; thư ký ĐH;
- Cổ đông của Công ty;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Chiến

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

### *Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông!*

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 8 tháng 4 năm 2016. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được tổ chức lần này nhằm đánh giá hoạt động và sự phát triển của Công ty trong năm 2020, đồng thời xác định phương hướng hoạt động cho năm 2021 của nhiệm kỳ III (2018-2023).

Hội đồng quản trị Công ty xin trân trọng báo cáo đến toàn thể Quý vị Cổ đông về Tổng kết đánh giá quá trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng phát triển của Công ty trong năm 2021.

### **Phần 1:**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

### **I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC**

#### **1. Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhiệm kỳ III (2018-2023) được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (26/4/2018), được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 (07/8/2018), Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (24/4/2019) và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (27/04/2020) có thay đổi thành viên HĐQT như sau:

1.1 Ông: Nguyễn Văn Chiến - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT (*Bổ nhiệm nhiệm kể từ ngày 23/4/2020*).

1.2 Ông: Vũ Minh Tú - Chức vụ: Ủy viên HĐQT (*Bầu bổ sung kể từ ngày 27/4/2020*).

1.3 Ông: Lại Hợp Quốc - Chức vụ: Ủy viên HĐQT

1.4 Bà: Nguyễn Thị Kim Lan - Chức vụ: Ủy viên HĐQT

1.5 Ông: Đỗ Minh Đức - Chức vụ: Ủy viên HĐQT (*Bầu bổ sung kể từ ngày 27/4/2020*).



## **2. Ban Kiểm soát:**

- Ông: Nguyễn Văn Minh - Chức vụ: Trưởng ban (Bầu bổ sung kể từ ngày 27/4/2020).

- Ông: Nguyễn Quốc Thái - Chức vụ: Thành viên

- Ông: Trương Thế Huy - Chức vụ: Thành viên

## **3. Ban giám đốc:**

- Ông: Vũ Minh Tú - Chức vụ: Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 23/04/2020).

- Ông: Nguyễn Tài Tuấn - Chức vụ: Phó giám đốc

- Ông Lê Đắc Dân - Chức vụ: Phó giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 05/06/2020)

**4. Kế toán trưởng:** Bà Bùi Tuyết Vân

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT.**

### **1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã thực hiện các cuộc họp trực tiếp và xin ý kiến bằng phiếu lấy ý kiến các Ủy viên HĐQT với 20 Nghị quyết, Quyết định; các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành tập trung vào các nội dung, vấn đề như sau:

+ Chi khen thưởng cho tập thể và cá nhân trong Công ty đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2019;

+ Phê duyệt chủ trương xây dựng nhà quản lý vận hành thủy điện Nà Tấu;

+ Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

+ Bầu Chủ tịch HĐQT và bổ nhiệm Giám đốc, Phó giám đốc công ty;

+ Nghị quyết phê duyệt quy chế quản trị Công ty;

+ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động; phân công công việc và trách nhiệm trong HĐQT.

+ Nghị quyết phê duyệt bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Nghị quyết về việc vay vốn đầu tư xây dựng Nhà quản lý vận hành NMTĐ Nà Tấu;

+ Giải thể phòng Tổ chức hành chính nhân sự, thành lập Văn phòng SBM;

+ Phê duyệt KHSXKD năm 2021;

+ Phê duyệt đề cương, dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật, chỉ định thầu lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các kỳ họp HĐQT đều đạt được sự nhất trí cao của các Ủy viên trong việc quyết định chính sách, đường lối hoạt động của Công ty.

- HĐQT liên tục bám sát các hoạt động của Công ty và thường xuyên có các chỉ đạo giải quyết các công việc thông qua Ban Giám đốc Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông giao.

## **2. Lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- HĐQT thực hiện giám sát, kiểm soát, điều hành Ban Giám đốc Công ty về việc thực hiện các văn bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- HĐQT đã giám sát tính đầy đủ của các nội dung trên qua chương trình làm việc tại các cuộc họp HĐQT. Về tính hiệu lực, hiệu quả và phù hợp, HĐQT đã trao đổi, thảo luận, chất vấn Tổng giám đốc và Ban Điều hành tại các cuộc họp HĐQT hàng quý; báo cáo tháng; qua trao đổi thư điện tử, điện thoại và gặp gỡ. Các vấn đề khó khăn vướng mắc đều được xác định và giải quyết triệt để và kịp thời.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban Điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Những ý kiến đóng góp của BKS đều được xem xét và cân nhắc kỹ trong các quyết định của HĐQT.

- HĐQT phê duyệt kịp thời kế hoạch SXKD của công ty ngay từ đầu năm để Ban giám đốc làm cơ sở triển khai và tổ chức thực hiện. Chỉ đạo, giám sát thường xuyên, liên tục việc thực hiện kế hoạch SXKD và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm của Công ty.

- Trong năm 2020, HĐQT cũng chỉ đạo giám sát việc công bố thông tin theo quy định tại UBCKNN, Sở giao dịch Hà Nội và trung tâm lưu ký chứng khoán.

## **3. Công tác SXKD:**

- Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và không định kỳ để tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

- Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo theo yêu cầu...từ đó chỉ đạo, đưa ra các biện pháp, giải quyết nhanh chóng những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Trong năm 2020, tình hình SXKD của Công ty vẫn tiếp tục gặp phải rất nhiều những khó khăn, diễn biến khí tượng thủy văn phức tạp và rất bất lợi cho công ty. Hội đồng quản trị đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao để khai thác tối đa nguồn lực, tiết giảm, tạm dừng những công việc, chi phí có thể tiết giảm để mang lại lợi nhuận cao nhất, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận cao nhất theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể kết quả như sau:

+ Sản lượng điện năm 2020 là 164,41 triệu kWh, đạt 94,3% so với kế hoạch, bằng 112,2% so với năm 2019.

+ Doanh thu năm 2020 là 230,19 tỷ đồng, đạt 93,3% so với kế hoạch, bằng 99,5% so với năm 2019. Doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra ngoài nguyên nhân khách quan là do diễn biến thời tiết không thuận lợi thì còn có nguyên nhân là do biểu giá chi phí tránh được năm 2020 có điều chỉnh lại so

021  
ÔN  
CỔ T  
TƯ PH  
ÁC  
KIẾN



với năm 2019 (giảm giá giờ cao điểm mùa khô từ 2.969 đ/kWh xuống 2.658 đ/kWh). Giá điện bình quân toàn công ty năm 2019 là 1.579 đ/kWh, năm 2020 là 1.320 đ/kWh.

+ Tổng chi phí sản xuất năm 2020 là 162,6 tỷ đồng, bằng 93,0% so với kế hoạch và 91,7% so với năm 2019.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 63,6 tỷ đồng, đạt 94,2% so với kế hoạch, bằng 109,7% so với năm 2019.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT trong năm 2020 mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn bởi yếu tố thời tiết và các yếu tố khách quan khác nhưng các nhà máy thủy điện vận hành an toàn ổn định, khai thác tối đa nguồn nước, tối ưu hiệu suất máy, không để xảy ra sự cố dừng máy chủ quan.

- Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo tìm kiếm, các cơ hội đầu tư mới cho Công ty: Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá các dự án thủy điện đang vận hành để mua lại và tìm kiếm các dự án thủy điện... để đầu tư mới.

#### **4. Công tác chỉ đạo, giám sát tài chính kế toán.**

- Hội đồng quản trị thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động Tài chính theo Quy chế quản trị Công ty và Quy chế Tài chính của Công ty. Thông qua các báo cáo HĐQT nắm được thực trạng doanh thu, chi phí, dòng tiền tháng, quý, 06 tháng để giao Ban giám đốc điều hành công tác sản xuất, sửa chữa lớn và có phương án về dòng tiền phù hợp. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng đã cập nhật kịp thời tình hình SXKD và tài chính để đưa ra những chủ trương, phương hướng cho kế hoạch tương lai.

- Hội đồng quản trị luôn chỉ đạo Ban Giám đốc thường xuyên củng cố, nâng cao công tác kế toán, đảm bảo thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

#### **5. Về tồn tại, hạn chế:**

Trong năm Công ty đang duy trì tốt những thành quả đã có được, đang vận hành tốt 05 nhà máy hiện có mà chưa đầu tư dự án mới do việc tìm kiếm đầu tư dự án mới hiện là rất khó khăn và chính sách của nhà nước, địa phương hiện nay đang siết chặt đối với các dự án thủy điện nhỏ.

## **Phần 2**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Pháp luật, theo Điều lệ Công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phù hợp với tình hình, thực trạng của Công ty. HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết và có chỉ đạo sát sao, kịp thời đối với công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý và điều hành sản xuất. Thực hiện chỉ đạo, giám sát, đánh giá hiệu lực, hiệu quả các nghị quyết, quyết định đã ban hành để Ban giám đốc Công ty



thực hiện tốt công tác quản trị, công tác điều hành, tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý và tập trung huy động có hiệu quả các nguồn lực trong sản xuất để hoàn thành mục tiêu, các chỉ tiêu kế hoạch nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty, cho Cổ đông và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Với mục tiêu phát triển Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh ổn định, bền vững, và có bước phát triển mới, gia tăng về quy mô, HĐQT đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2021-2025 xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông như sau:

### 1. Mục tiêu:

- Phát triển Công ty về quy mô phát điện, duy trì tăng trưởng bền vững về doanh thu, lợi nhuận để nâng cao giá trị cho cổ đông, tối ưu hóa nguồn lực tài sản hiện có và quản lý chi phí, mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nguồn điện;

- Tiếp tục đảm bảo vận hành phát điện ổn định 05 nhà máy thủy điện: Công trình, thiết bị được quản lý và vận hành an toàn, mang lại hiệu quả cao nhất về doanh thu và lợi nhuận. Chủ động công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa bảo dưỡng có kế hoạch.

- Thực hiện quản trị Công ty minh bạch, tuân thủ theo quy định hiện hành của Pháp luật, theo Điều lệ Công ty.

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án thủy điện mới có hiệu quả trình Đại hội đồng cổ đông xem xét đầu tư.

- Công ty xác định con người luôn là nhân tố trọng tâm nên việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực được coi là nhiệm vụ then chốt.

### 2. Các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch dự kiến giai đoạn 2021 - 2025

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Sản lượng điện	10 <sup>6</sup> kWh	178,11	196,58	198,55	254,53	256,54
2	Doanh thu	Tỷ đồng	255,47	268,25	270,93	343,09	345,82
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	89,29	100,46	112,39	114,97	109,26
4	Tỉ lệ chia cổ tức	%	10,0	15,0	20,0	20,0	20,0
	<i>Trong đó</i>						
-	<i>Bằng tiền mặt</i>	%	5,0	5,0	5,0	20,0	20,0
-	<i>Bằng cổ phiếu</i>	%	5,0	10,0	15,0	-	-

### 3. Giải pháp thực hiện :

- Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục thực hiện chức năng quản trị, chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong việc điều hành, sản xuất kinh doanh giúp Công ty ngày càng phát triển.

522  
TY  
N  
TRIE  
H  
P.HA

- Quản lý vận hành các nhà máy thủy điện ổn định, an toàn và hiệu quả. Phần đầu hoàn thành kế hoạch sản lượng và doanh thu theo kế hoạch được giao.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, duy trì việc tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên để đáp ứng các mục tiêu phát triển của Công ty.
- Chỉ đạo, kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD để tối đa hóa lợi nhuận
- Đảm bảo công tác tài chính Công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật, theo Điều lệ Công ty.
- Sử dụng nguồn vốn để đầu tư có hiệu quả, đem lại Lợi nhuận cho Công ty và quyền lợi các Cổ đông.
- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để đầu tư các nhà máy thủy điện và các dự án có hiệu quả khác để gia tăng tài sản và giá trị cổ phần cho cổ đông... Mục tiêu thực hiện đầu tư mở rộng và đầu tư mới các dự án thủy điện, tổng công suất dự kiến đầu tư thêm trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 16 MW.

Kính thưa Quý vị Cổ đông

HĐQT chúng tôi, xin chân thành cảm ơn các quý Cổ đông đã tin tưởng, ủng hộ, chia sẻ cùng chúng tôi trong thời gian qua và mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, chia sẻ, đóng góp ý kiến của Quý vị Cổ đông đối với mọi mặt hoạt động của Công ty thời gian tới. Chúng tôi cam kết sẽ nỗ lực hết mình để bảo toàn và phát triển vốn của Quý vị. Sự đóng góp ý kiến của quý vị Cổ đông sẽ được HĐQT Công ty đón nhận với tinh thần cầu thị nhất vì sự phát triển chung của Công ty.

Nếu quý vị có những vấn đề cần trao đổi, đóng góp ý kiến xin vui lòng liên hệ trực tiếp hoặc gửi văn bản theo đường công văn về Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Trên đây là báo cáo của HĐQT trong năm 2020 và Mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, có ý kiến đóng góp bổ sung và thông qua.

Một lần nữa thay mặt Hội đồng quản trị Công ty xin gửi tới quý vị Cổ đông lời chúc sức khỏe và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi gửi:**

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH   
  
 Nguyễn Văn Chiến



## BÁO CÁO

### KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

Ban điều hành Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh xin được báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty đến ngày 31/12/2020 và một số mục tiêu, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025 tới các Quý vị cổ đông như sau:

#### I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

##### 1. Thuận lợi

- SBM là doanh nghiệp đã hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng với hơn 10 năm kinh nghiệm. Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao và đa số gắn bó lâu dài với Công ty, nên không chỉ tích lũy được những kinh nghiệm mà còn có sự tâm huyết với công ty, sự thấu hiểu về công ty, về con người, thấu hiểu về máy móc thiết bị và công việc mình đang phụ trách.

- Bộ máy tổ chức của Công ty sau khi được sắp xếp, điều chỉnh và tinh gọn lại đã hoạt động hiệu quả hơn, chủ động hơn, linh hoạt hơn trong các hoạt động SXKD của Công ty, phù hợp hơn với tình hình mới của Công ty.

- Luôn được ĐHĐCĐ và HĐQT quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi về chế độ phúc lợi, trang bị tối đa về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho công tác SXKD của Công ty và đời sống của CBCNV trong Công ty.

##### 2. Khó khăn

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty (chiếm 100% doanh thu của Công ty) - Lĩnh vực thủy điện - phụ thuộc cơ bản vào yếu tố thời tiết. Năm 2020, tiếp tục là một năm có thời tiết diễn biến cực đoan, khắc nghiệt và phức tạp. Lượng mưa trung bình trên các lưu vực của các nhà máy thủy điện của Công ty tiếp tục thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm.

- Diện tích bao phủ của rừng trên thượng nguồn không được duy trì gây ra hiện





tượng lũ quét, xói mòn, sạt lở đất làm bồi lắng, làm giảm dung tích hữu ích các hồ chứa... gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của Công ty.

- Các cơ quan Nhà nước tiếp tục tăng cường các chính sách nhằm siết chặt quản lý đối với các thủy điện vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, các chính sách ưu đãi dành riêng cho các dự án thủy điện nhỏ cũng đang dần bị thu hẹp gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác SXKD và việc mở rộng đầu tư trong lĩnh vực thủy điện của Công ty

- Trong năm vừa qua, dịch bệnh Covid 19 diễn biến hết sức phức tạp đã ảnh hưởng lớn tới mọi hoạt động đời sống, kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống sinh hoạt, hoạt động SXKD của Công ty nói riêng.

## II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

### 1. Kết quả SXKD năm 2020

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với năm 2019	Tỷ lệ TH so với KH
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>	<b>10<sup>6</sup> kWh</b>	<b>146,49</b>	<b>174,40</b>	<b>164,41</b>	<b>112,2</b>	<b>94,3%</b>
1	Suối Sập 3		39,99	43,68	42,47	106,2%	97,2%
2	Tà Cọ		62,36	85,29	76,32	122,4%	89,5%
3	Thoong Gót		12,89	11,79	12,78	99,1%	108,4%
4	Nà Tầu		16,39	14,21	14,33	87,5%	100,9%
5	Nậm Công 3		14,86	19,44	18,52	124,6%	95,2%
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>231,36</b>	<b>246,62</b>	<b>230,19</b>	<b>99,5%</b>	<b>93,3%</b>
1	Suối Sập 3		60,05	61,95	60,39	100,6%	97,5%
2	Tà Cọ		109,11	123,47	109,87	100,7%	89,0%
3	Thoong Gót		13,66	12,39	13,67	100,1%	110,3%
4	Nà Tầu		22,07	18,94	19,57	88,7%	103,3%
5	Nậm Công 3		26,47	29,87	26,68	100,8%	89,3%
<b>III</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>177,21</b>	<b>174,77</b>	<b>162,57</b>	<b>91,7%</b>	<b>93,0%</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>57,94</b>	<b>67,507</b>	<b>63,57</b>	<b>109,7</b>	<b>94,2%</b>
<b>V</b>	<b>Lãi cơ bản trên CP</b>	<b>Đ/CP</b>	<b>1.486</b>	<b>1.731</b>	<b>1.630</b>		

- Sản lượng điện năm 2020 là 164,41 triệu kWh, đạt 94,3% so với kế hoạch, bằng 112,2% so với năm 2019.

- Doanh thu năm 2020 là 230,19 tỷ đồng, đạt 93,3% so với kế hoạch, bằng 99,5% so với năm 2019. Doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019 và không đạt kế hoạch đề ra ngoài nguyên nhân khách quan là do diễn biến thời tiết không thuận lợi thì còn có nguyên nhân là do biểu giá chi phí tránh được năm 2020 có điều chỉnh lại so với năm 2019 (giảm giá giờ cao điểm mùa khô từ 2.969 đ/kWh xuống 2.658 đ/kWh). Giá điện bình quân toàn công ty năm 2019 là 1.579 đ/kWh, năm 2020 là 1.320 đ/kWh.

- Tổng chi phí sản xuất năm 2020 là 162,6 tỷ đồng, bằng 93,0% so với kế hoạch và 91,7% so với năm 2019.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 63,6 tỷ đồng, đạt 94,2% so với kế hoạch, bằng 109,7% so với năm 2019.

## **2. Một số kết quả nổi bật năm 2020**

1/ Vận hành các nhà máy thủy điện an toàn ổn định, khai thác tối đa nguồn nước, tối ưu hiệu suất máy, không để xảy ra sự cố, dừng máy.

2/ Bộ phận cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành các nhà máy đã chủ động hơn trong công tác vận hành, sửa chữa các nhà máy. Trong quá trình quản lý vận hành đã có nhiều sáng kiến, cải tiến giúp cho công tác vận hành an toàn, hiệu quả hơn: Hệ thống vớt rác cửa nhận nước NMTĐ Nà Tầu, NMTĐ Thoong Gót; Hệ thống cảnh báo lũ từ xa thủy điện Tà Cọ, Nà Tầu; Máy lọc dầu gỏi tuabin, máy phát cho tất cả các nhà máy thủy điện...

3/ Thực hiện việc nạo vét lòng hồ thủy điện Tà Cọ bằng tàu hút bùn do Công ty đầu tư cho hiệu quả tương đối tốt. Tăng dung tích hữu ích cho hồ chứa, đảm bảo nước điều tiết phát điện giờ cao điểm trong mùa khô, với chi phí thực hiện nạo vét thấp, chỉ khoảng 20.000 đồng/m<sup>3</sup> đặc bùn cát.

4/ Hoàn thành đầu tư xây dựng mới nhà vận hành thủy điện Nà Tầu, cải tạo cảnh quan khuôn viên các nhà máy, nâng cao đời sống, điều kiện làm việc, sinh hoạt cho CBCNV các nhà máy.

5/ Công tác lập báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, báo cáo tài chính năm đúng quy định. Hoàn thành quyết toán thuế công ty giai đoạn 2018-2019.

6/ Tiếp tục cơ cấu, hoàn thiện, tinh chỉnh lại bộ máy tổ chức của Công ty, phù hợp hơn với tình hình SXKD mới của Công ty.

7/ Tiết giảm tối đa chi phí quản lý, sản xuất của Công ty (Tổng chi phí sản xuất năm 2020 là 162,6 tỷ, bằng 93% so với kế hoạch được duyệt).

8/ Đào tạo: Nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 100% Cán bộ quản lý BGD, Trưởng (Phó) Phòng, Giám đốc (Phó giám đốc) NMTĐ; bồi dưỡng bổ sung các trưởng ca kế cận cho các nhà máy, trình độ 100% CNVH đã được nâng cao và chủ động xử lý trong công việc, sẵn sàng tiếp nhận các công việc mới khi được cấp trên giao.

9/ Cân đối tài chính, chủ động về dòng tiền đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty, trả nợ ngân hàng, đóng nộp NSNN, đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 cho các cổ đông.

10/ Đời sống người lao động trong công ty được nâng cao, tinh thần ổn định, gắn bó lâu dài với SBM. Vệ sinh, môi trường nơi làm việc xanh, sạch, đẹp. Người lao động sau giờ làm việc hăng hái tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, sống đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

## **3. Kết quả công việc cụ thể:**

### **3.1. Công tác quản lý vận hành, xây dựng:**

- Vận hành các nhà máy thủy điện an toàn ổn định, không xảy ra mất an toàn về người và thiết bị.



- Các nhà máy đã chủ động hoàn thành công tác sửa chữa nhỏ, bảo trì bảo dưỡng thiết bị thường xuyên để đảm bảo ổn định phát điện.

- Hoàn thành công tác sửa chữa NMTĐ Nậm Công 3 bao gồm xây mới Nhà bếp, cải tạo cảnh quan khuôn viên, sửa chữa kiến trúc nhà máy.

- Hoàn thành công tác cải tạo palăng hạ lưu Nà Tầu, kéo dài hành trình palăng để giảm công sức trong việc đóng mở van hạ lưu.

- Hoàn thành cải tạo, nâng cấp hệ thống cầu trục cũ của NMTĐ Thông Gót, từ vận hành bằng tay sang vận hành bằng điện (giảm chi phí bằng cách tận dụng Palăng cũ của hạ lưu Nà Tầu). Góp phần làm giảm thời gian sửa chữa, thay thế thiết bị trong các đợt trung tu. Hoàn thành thay thế cầu dao phụ tải của Nhà máy Nậm Công 3.

- Nạo vét kênh dẫn nước và xử lý thấm kênh của NMTĐ Thoong Gót.

- Hoàn thành bê tông hóa tuyến đường vận hành nối từ quốc lộ 4G xuống cửa nhận nước NMTĐ Tà Cọ dài 176,5m, bề rộng mặt đường 2,5m.

- Hoàn thành việc thi công nâng đường vận hành, kê chống nước lũ dâng vào nhà máy thủy điện Suối Sập 3.

- Hoàn thành việc lấp đất hệ thống cảnh báo lũ từ xa NMTĐ Tà Cọ, NMTĐ Nà Tầu giúp cho Nhà máy chủ động điều tiết mực nước hồ hợp lý để phát điện nâng cao sản lượng điện cho công ty.

- Hoàn thành sửa chữa điều tốc NMTĐ Thoong Gót đã bị trục trặc từ nhiều năm nay chưa sửa được.

- Hoàn thành đầu tư, xây dựng Nhà vận hành thủy điện Nà Tầu.

- Hoàn thành việc phá, đá, dọn, khơi thông toàn bộ dòng chảy hạ lưu của NMTĐ Nà Tầu, nâng cao hiệu suất phát điện cho NMTĐ khi vào mùa khô và thoát lũ nhanh hơn trong mùa mưa.

- Tiếp tục thực hiện nạo vét bùn, cát bồi lắng lòng hồ NMTĐ Tà Cọ bằng tàu hút bùn do SBM đầu tư.

- Về Công tác thi công đập cao su NMTĐ Tà Cọ:

+ Đã hoàn thành công tác nhập khẩu vật tư thiết bị đập cao su.

+ Đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng thi công lắp đặt đập cao su, nhưng chưa thực hiện thi công được do chưa hoàn thành việc xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch.

- Các công tác phòng chống bão lũ, công tác vệ sinh môi trường, PCCC và CNCH của nhà máy cơ bản thực hiện tốt theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

### **3.2. Công tác đầu tư, tài chính:**

- Công tác quản lý tài chính của công ty theo đúng điều lệ, quy chế quản lý tài chính của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đáp ứng đầy đủ các quy định của nhà nước đối với công ty đại chúng.

- Công tác lập báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, báo cáo tài chính năm công bố đúng thời hạn quy định.

- Hoàn thành việc quyết toán thuế toàn Công ty giai đoạn 2018-2019 với thanh tra - Cục thuế Hà Nội.



- Đến ngày 31/12/2020 đã trả hết phần Cổ tức năm 2018, đã cân đối được dòng tiền.

- Cơ bản hoàn thành việc lập báo cáo bổ sung quy hoạch nhà máy thủy điện Thoong Gót mở rộng. Đang trình UBND tỉnh Cao Bằng xem xét, phê duyệt chủ trương khảo sát và bổ sung quy hoạch.

### **3.3. Công tác tổ chức nhân sự và tiền lương:**

#### **a. Cơ cấu tổ chức:**

Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức bộ máy quản lý vận hành sản xuất kinh doanh điện để đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển mới của công ty.

Từ ngày 01/7/2020 xóa bỏ phòng Tổ chức hành chính và nhân sự, Thành lập Văn phòng SBM, Văn phòng SBM sẽ tương đương như các Phòng, Ban, NMTĐ

Hiện tại Công ty gồm 04 phòng (Phòng Kế hoạch, phòng Tài chính Kế toán, Văn phòng SBM và phòng Kỹ Thuật) và 04 cụm nhà máy, nhà máy (Cụm nhà máy thủy điện Tà Cọ và Nậm Công 3, Nhà máy thủy điện Suối Sập 3, Nhà máy thủy điện Nà Tầu, Nhà máy thủy điện Thoong Gót).

#### **b. Về công tác nhân sự, đào tạo, tiền lương:**

- Nhân sự Ban giám đốc:

+ Hội đồng quản trị SBM đã miễn nhiệm chức vụ Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật SBM đối với Ông Nguyễn Văn Minh từ ngày 23/4/2020

+ Hội đồng quản trị SBM đã QĐ cử Ông Vũ Minh Tú giữ chức vụ Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật SBM trong thời gian 5 năm kể từ ngày 23/4/2020;

+ Ông Nguyễn Huy Bách thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/03/2020;

+ Bổ nhiệm bổ sung Ông Lê Đắc Dẫn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ 05/06/2020.

- Văn phòng SBM: Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thảo đảm nhiệm vị trí Phó chánh Văn phòng SBM kể từ ngày 01/12/2020.

- Nhân sự trong công ty năm 2020 có một số thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế, tổng số cán bộ công nhân viên toàn công ty tính đến 31/12/2020 là 107 người (giảm 01 người so với năm 2019).

- Kiện toàn BCH Công đoàn Công ty: Miễn nhiệm chức vụ chủ tịch Công đoàn với ông Lê Đắc Dẫn và bổ nhiệm Ông Nguyễn Tài Tuấn – Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn SBM

- Định kỳ tổ chức thi kiểm tra giữ bậc, nâng bậc cho công nhân vận hành các nhà máy theo đúng quy chế của công ty;

- Trong năm 2020, hoàn thiện quy chế Lương, thưởng sửa đổi năm 2020 tạo động lực cho CBCNV hăng say lao động sản xuất thúc đẩy sự phát triển của công ty.

### **3.4. Công tác ATVSLĐ, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai, an toàn đập và 5S**

- Mặc dù lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện là ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, nhưng liên tục nhiều năm trở lại đây (đến hết năm 2020)

Công ty không để xảy ra bất cứ tai nạn lao động hoặc sự cố cháy nổ nào.

- Tại SBM, với phương châm phát triển bền vững, ngoài các mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận, thì việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và bảo vệ môi trường được quy định rõ trong Chính sách của Công ty và được triển khai trong thực tế.

- Đội ngũ người lao động với ý thức chấp hành các quy định nhìn chung là tốt, trình độ an toàn ngày càng được nâng cao.

- Cũng như các năm trước, trong năm 2020 người lao động được định kỳ huấn luyện về ATVSLĐ, PCCC, cứu nạn cứu hộ và khám sức khỏe; thiết bị (có yêu cầu nghiêm ngặt) được kiểm định đúng hạn; phương tiện, dụng cụ an toàn được cung cấp đầy đủ và được kiểm soát chất lượng thường xuyên; hệ thống quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn được cập nhật và cải tiến liên tục; thông tin về an toàn và sức khỏe được trao đổi, tham vấn kịp thời; các mối nguy về ATVSLĐ được nhận diện và đánh giá thường xuyên, với sự tham gia của đông đảo NLD; các biện pháp phòng ngừa tai nạn luôn được ưu tiên áp dụng. Công tác 5S được duy trì. Tất cả các yếu tố trên không chỉ giúp đảm bảo an toàn cho người lao động, mà còn đảm bảo an toàn cho cộng đồng xung quanh.

### **3.5. Công tác công đoàn, đoàn thể khác.**

Trong năm 2020, BCH Công đoàn Công ty tiếp tục hoạt động rất tích cực và hiệu quả, chủ động trong công tác chăm lo đời sống cho CBCNV trong công ty, chủ động tham mưu cho BGD thực hiện kịp thời các chế độ chính sách người lao động, thực sự là cầu nối giữa người lao động và chính quyền:

- Các NMTĐ và văn phòng Công ty tiếp tục duy trì bếp ăn tập thể đảm bảo vệ sinh, an toàn và đủ chất dinh dưỡng cho người lao động nghỉ giữa ca làm việc.

- Phát động toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty tham gia các phong trào ủng hộ người nghèo, ủng hộ khắc phục thiên tai và đền ơn đáp nghĩa.

- Các tổ công đoàn tại các nhà máy đã chủ động trong hoạt động sản xuất vận hành điện, nêu cao tinh thần tự chủ, làm chủ thiết bị, đảm bảo AVLĐ, VSLĐ. Ngoài ra các đoàn viên đã chủ động tham gia vào các hoạt động lao động tập thể tăng gia SX cải thiện, nâng cao đời sống và tinh thần cho chính bản thân và những người xung quanh nơi mình làm việc.

- Mạng lưới an toàn viên đã thành lập hoạt động hiệu quả góp phần đảm bảo an toàn lao động trong toàn công ty

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19, Công ty không tổ chức nghỉ dưỡng cho CBCNV, toàn bộ chế độ của người lao động được hưởng sẽ chuyển sang năm sau.

## **4. Các tồn tại hạn chế**

4.1. Chưa hoàn thành việc xin điều chỉnh quy hoạch và thi công lắp đặt cao su cho NMTĐ Tà Cọ. Thủ tục phê duyệt điều chỉnh quy hoạch bị kéo dài do vướng mắc trong việc thoả thuận đền bù GPMB với các hộ dân bị ảnh hưởng khu vực lòng hồ (các hộ dân không đồng thuận từ giai đoạn thi công dự án).

- Đã hoàn thành xin ý kiến các ngành, trình UBND tỉnh Sơn La xem xét, quyết định nhưng do ảnh hưởng các sự cố sạt lở, ngập lụt tại miền trung trong đợt mưa bão



tháng 10/2020 nên tạm thời chưa xem xét việc xin điều chỉnh quy hoạch của thủy điện Tà Cọ theo văn bản số 3512/UBND-KT ngày 6 tháng 11 năm 2020.

- Công tác nhập khẩu đập cao su về công trường cũng chậm hơn so với kế hoạch do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

4.2. Đầu tư mở rộng dự án: Chưa hoàn thành xin phê duyệt bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Thoong Gót mở rộng và thủy điện Suối Sập 3 mở rộng. Do ảnh hưởng các sự cố sạt lở, ngập lụt nghiêm trọng tại miền Trung (đặc biệt là vụ sạt lở tại thủy điện Rào Trăng 3) trong đợt mưa bão hồi tháng 10/2020, nên Chính phủ, Bộ Công Thương đã có văn bản chỉ đạo tăng cường các biện pháp quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng thủy điện nhỏ và không xem xét đề xuất bổ sung quy hoạch các thủy điện dưới 10MW.

4.3. Về việc ưu đãi thuế TNDN: Vẫn chưa làm rõ về việc xác định ưu đãi thuế TNDN đối với các dự án của Công ty. Ban điều hành đã nhiều lần gửi văn bản lên Cục Thuế TP Hà Nội đề nghị làm rõ về việc ưu đãi thuế TNDN của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, tuy nhiên đến nay vẫn chưa có văn bản trả lời chính thức. Vì vậy, Công ty tiếp tục thực hiện kê khai thuế TNDN theo kết luận thanh tra thuế số 80630/KL-CT-TTr3 ngày 30/12/2016 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội.

Nếu các dự án của Công ty không được hưởng ưu đãi thuế như kết luận thanh tra thuế số 80630/KL-CT-TTr3 ngày 30/12/2016 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội thì sẽ bị truy thu số tiền thuế khá lớn.

4.4. Không hoàn thành công tác sửa chữa lớn NMTĐ Nà Tầu theo kế hoạch năm 2020, do dịch covid-19.

4.5. Chưa thực hiện việc sửa chữa, mở rộng hạ lưu NMTĐ Suối Sập 3 vào tháng 10/2020 theo chỉ đạo của HDQT, do Kế hoạch dự kiến thực hiện từ 15-30/10/2020, tuy nhiên do thời tiết có mưa bão nên phải tạm dừng thực hiện.

### **III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025:**

- Tiếp tục đảm bảo vận hành phát điện ổn định 05 nhà máy thủy điện, phát huy tối đa phát giờ cao điểm mùa khô các nhà máy. Chủ động công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa bảo dưỡng có kế hoạch. Duy trì việc chấp hành các quy định của nhà nước trong quá trình quản lý vận hành.

- Công ty xác định con người luôn là nhân tố trọng tâm nên việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực được coi là nhiệm vụ then chốt.

- Tìm kiếm và thực hiện đầu tư mở rộng các NMTĐ hiện có, tìm kiếm đầu tư (mua mới) các dự án thủy điện hiệu quả.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông xem xét hiệu quả, quyết định đầu tư.

#### **2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và giải pháp thực hiện:**

##### **2.1 Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021**

###### **a. Chỉ tiêu SXKD:**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Điện thương phẩm</b>	<b>kWh</b>	<b>178.105.544</b>	
	Nhà máy Suối Sập 3	kWh	43.878.230	
	Nhà máy Tà Cọ	kWh	86.292.976	
	Nhà máy Thoong Gót	kWh	11.846.549	
	Nhà máy Nà Tầu	kWh	14.697.751	
	Nhà máy Nậm Công 3	kWh	21.390.039	
<b>2</b>	<b>Doanh thu bán điện</b>	<b>Đồng</b>	<b>255.472.595.454</b>	
	Nhà máy Suối Sập 3	Đồng	61.901.185.453	
	Nhà máy Tà Cọ	Đồng	129.552.273.907	
	Nhà máy Thoong Gót	Đồng	12.692.794.170	
	Nhà máy Nà Tầu	Đồng	19.458.727.664	
	Nhà máy Nậm Công 3	Đồng	31.867.614.260	
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Đồng</b>	<b>160.219.070.738</b>	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>89.287.762.811</b>	
<b>5</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Đồng</b>	<b>2.289</b>	

#### b. Giải pháp thực hiện :

- Tập trung vào công tác quản lý vận hành, tổ chức quản lý vận hành 05 nhà máy thủy điện hiện có của Công ty ổn định, an toàn, hiệu quả.

- Chủ động trong công tác kiểm tra, đánh giá thiết bị và thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các nhà máy.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác trung tu nhà máy thủy điện Nà Tầu, nhà máy thủy điện Thoong Gót trong năm 2021 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện công tác trung tu nhà máy thủy điện Tà Cọ kết hợp với thay thế van chính tổ máy H1 bằng van 2 seal trong năm 2021 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và hiệu quả; Thiết bị các nhà máy sau sửa chữa đảm bảo hoạt động tốt nhất, hiệu quả nhất; thực hiện công tác sửa chữa nhanh nhất, an toàn nhất, thời gian dừng máy để sửa chữa ngắn nhất.

- Hoàn thành sửa chữa phần xây dựng bên trong NMTĐ Suối Sập 3.

- Thử nghiệm thay thế bộ điều khiển tự động hệ thống kích từ được sản xuất trong nước cho NMTĐ Suối Sập 3, nếu đạt yêu cầu sẽ tiếp tục thay thế cho các nhà máy khác tránh phụ thuộc vào nhà cung cấp Trung Quốc.

- Hoàn thiện việc quản lý vật tư thiết bị trên phần mềm quản lý, thực hiện việc mua sắm theo tiêu chí : đúng, đủ, chất lượng và kịp thời để đảm bảo vật tư sửa chữa và dự phòng tại các nhà máy.

- Tiếp tục thực hiện việc nạo vét bùn, cát lòng hồ NMTĐ Tà Cọ để đảm bảo dung tích hữu ích điều tiết phát điện cao điểm cho cụm NMTĐ Tà Cọ - Nậm Công 3.

- Hoàn thiện thủ tục pháp lý và thi công xây dựng đập cao su cho nhà máy thủy điện Tà Cọ để nâng cao hiệu quả phát điện cho nhà máy.



- Giám sát, kiểm tra định kỳ các nhà máy để duy trì thực hiện công tác kỹ thuật, công tác 5S, an toàn, vệ sinh lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lũ, an toàn đập theo đúng quy định của pháp luật.

- Các bộ phận trong công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật các thay đổi chính sách quy định của nhà nước về các lĩnh vực có liên quan. Rà soát toàn bộ các thủ tục pháp lý của công ty, lập phương án để điều chỉnh, thay đổi, hoàn thiện cho phù hợp với các quy định, chính sách hiện hành. Chủ động đề phòng các rủi ro do thay đổi chính sách.

- Duy trì việc tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

- Thực hiện đúng đầy đủ các qui định luật chứng khoán và Ủy ban chứng khoán, tạo thuận lợi tốt nhất cho các cổ đông trong việc thanh khoản, chuyển nhượng cổ phiếu.

- Tiếp tục thực hiện bám sát Đoàn thanh tra Cục thuế TP Hà Nội xác định rõ việc áp dụng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đối với các NMTĐ để Công ty có cơ sở pháp lý thực hiện.

- Đảm bảo thu nhập và đời sống cho cán bộ công nhân viên Công ty. cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

- Đẩy mạnh phòng trào tăng gia sản xuất, chăm lo môi trường khuôn viên nhà máy. Phát huy vai trò của công đoàn cơ sở đối với đời sống cán bộ công nhân viên. Tổ chức thường xuyên giao lưu các đơn vị, nhà máy để giao lưu học tập trao đổi kinh nghiệm.

## 2.2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (dự kiến) giai đoạn 2021-2025:

### a. Chỉ tiêu:

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Sản lượng điện	10 <sup>6</sup> kWh	178,11	196,58	198,55	254,53	256,54
2	Doanh thu	Tỷ đồng	255,47	268,25	270,93	343,09	345,82
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	89,29	100,46	112,39	114,97	109,26
4	Tỉ lệ chia cổ tức	%	10,0	15,0	20,0	20,0	20,0
	<i>Trong đó</i>						
-	<i>Bằng tiền mặt</i>	%	5,0	5,0	5,0	20,0	20,0
-	<i>Bằng cổ phiếu</i>	%	5,0	10,0	15,0	-	-

### b. Giải pháp thực hiện:

1/ Dự kiến chia một phần cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ trong các năm tới, để có nguồn vốn thực hiện đầu tư các dự án mới, gia tăng tài sản cho công ty.

2/ Dự kiến thực hiện đầu tư mở rộng và đầu tư mới các dự án thủy điện, tổng công suất dự kiến hoàn thành đầu tư thêm trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 16 MW.

Cụ thể như sau:

- + Đầu tư mở rộng nhà máy thủy điện Thoang Gót công suất dự kiến 6 MW
- + Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả, để xem xét đầu tư mở rộng nhà máy thủy điện Suối Sập 3 hoặc tìm kiếm các dự án thủy điện có hiệu quả hơn để đầu tư công suất khoảng 10 MW.

3/ Hàng năm trích lập quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế để dự phòng nguồn vốn đầu tư các các lĩnh vực khác ngoài thủy điện.

4/ Thực hiện đầu tư thay thế các tài sản, thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng, hết khấu hao để đảm bảo hiệu quả cho các nhà máy.

5/ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông xem xét hiệu quả, quyết định đầu tư

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, có ý kiến đóng góp bổ sung và thông qua.

Cuối cùng, kính chúc Quý vị cổ đông và gia đình Sức khỏe - Hạnh phúc - Thành đạt.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

*Nơi gửi:*

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban GD Công ty;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC   
  
Vũ Minh Tú

C.T.C.P.



**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**  
**VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

*Kính thưa Đại hội đồng cổ đông !*

*Căn cứ:*

- Chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh;
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra hoạt động và thông qua Báo cáo tài chính Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh trong năm 2020.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra giám sát các mặt hoạt động trong năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.**

**1. Nhân sự Ban kiểm soát: gồm 03 Thành viên**

- Bà: Nguyễn Thị Chang Chức vụ: Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
- Ông: Nguyễn Văn Minh Chức vụ: Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
- Ông: Nguyễn Quốc Thái Chức vụ: Thành viên
- Ông: Tường Thế Huy Chức vụ: Thành viên

**2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động của Công ty:**

*a. Công tác thực hiện:* BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BGD;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ đối với HĐQT và BGD;
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, báo cáo, đề xuất ý kiến trong các cuộc họp

HDQT. Các đề xuất, kiến nghị đều được HDQT ghi nhận chỉ đạo thực hiện;

- Kiểm tra công tác quản lý đầu tư, công tác lập kế hoạch đầu tư xây dựng, kế hoạch sản xuất kinh doanh;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro, tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trọng việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản đầu tư;

- Thẩm định Báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính quý, 6 tháng và báo cáo tài chính năm theo quy định;

- Tham gia đóng góp ý kiến, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các dự thảo quy chế, quy trình của đơn vị;

- Giám sát việc thực hiện tổ chức công tác kế toán, thống kê, công tác lập báo cáo đảm bảo đúng qui định pháp luật và điều lệ hoạt động của Công ty.

#### ***b. Kết quả giám sát hoạt động của HDQT, BGD:***

- Công tác điều hành của HDQT, BGD Công ty đã có bước chuyển biến đáng kể để hoạt động sản xuất kinh doanh từng bước ổn định, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính. HDQT, BGD Công ty đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong công tác chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trong năm 2020, thông qua các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến qua phiếu lấy ý kiến với nhiều Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được ban hành đã được HDQT và BGD thực hiện đầy đủ đúng nội dung của Nghị quyết và Quyết định, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông, nhìn chung trong năm qua BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về các quyết định của HDQT.

- HDQT đã chỉ đạo Ban giám đốc Công ty tối ưu hóa hoạt động sản xuất điện, đồng thời tiết giảm chi phí để đảm bảo lợi nhuận cho công ty trong giai đoạn khó khăn do điều kiện khắc nghiệt của thời tiết.

- Công tác thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính năm, theo dõi kiểm soát dòng tiền trong năm 2020 để đảm bảo cân bằng tài chính cho công ty.

- BKS nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của HDQT trình đại hội.

### **3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020**

#### **3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:**

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh đã được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.

- Qua thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, BKS thống nhất với kết quả SXKD được Công ty công bố tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, đã phản ánh được kết quả



hoạt động SXKD của Công ty.

### 3.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với năm 2019
1	Sản lượng	10 <sup>6</sup> kWh	146,49	174,40	164,41	112,2%	94,3%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	231,36	246,62	230,19	99,5%	93,3%
3	Chi phí	Tỷ đồng	177,21	174,77	162,57	91,7%	93,0%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	57,94	67,507	63,57	109,7%	94,2%
5	Lãi cơ bản trên CP	Đ/CP	1.486	1.731	1.630	94,2%	109,7%

Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, trong đó:

+ Sản lượng điện năm 2020 là 164,41 triệu kWh, đạt 94,3% so với kế hoạch, bằng 112,2% so với năm 2019.

+ Doanh thu năm 2020 là 230,19 tỷ đồng, đạt 93,3% so với kế hoạch, bằng 99,5% so với năm 2019.

+ Tổng chi phí sản xuất năm 2020 là 162,6 tỷ đồng, bằng 93,0% so với kế hoạch và 91,7% so với năm 2019.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 63,6 tỷ đồng, đạt 94,2% so với kế hoạch, bằng 109,7% so với năm 2019.

+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 là 1.630 đồng, đạt 94,2% so với kế hoạch, bằng 109,7% so với năm 2019.

### 3.3 Tình hình Tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020:

- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của năm 2019 - 2020:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	Tăng, giảm
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu về vốn và tài sản</b>				
1	Vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	54,88	67,33	12,45
2	Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	0,82	0,49	-0,33
3	Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	45,12	32,67	-12,45
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	2,95	4,14	1,19
5	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	97,05	95,86	-1,19
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,12	0,2	0,08
2	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	2,22	3,06	0,84
3	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	0,13	0,21	0,08

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 31/12/2019	Ngày 31/12/2020	Tăng, giảm
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn</b>				
1	Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	Lần	0,26	0,28	0,02
2	Lợi nhuận trước thuế/ Vốn CSH	Lần	0,137	0,131	-0,006
3	Lợi nhuận trên bình quân tổng tài sản (ROA)	Lần	0,07	0,08	0,01
4	Lợi nhuận trên bình quân vốn CSH (ROE)	Lần	0,128	0,131	0,003
<b>IV</b>	<b>Hệ số bảo toàn vốn</b>				
2	Mức độ bảo toàn vốn (H) theo Thông tư 117/2010/TT-BTC	Lần	0,93	1,14	0,21

**Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020:**

- **Về vốn và tài sản:** Qua số liệu cho thấy tình hình tài chính của công ty ổn định có tính an toàn cao. Hệ số nợ/vốn CSH và nợ/tổng tài sản ở mức thấp. Hệ số Vốn CSH/Tổng nguồn vốn đạt 67,33% tăng 12,45% so với năm 2019, hệ số tài sản ngắn hạn/tổng tài sản năm 2020 được cải thiện so với năm 2019.

- **Về khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán năm 2020 đã được cải thiện đáng kể so với năm 2019, cụ thể:

+ Khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 0,21 lần, tăng 0,08 lần so với cùng kỳ năm 2019. Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 0,2 lần, tăng 0,08 lần so với năm 2019 cho thấy thanh khoản của công ty trong năm 2020 đã được cải thiện so với năm 2019.

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát năm 2020 là 3,06 lần tăng so với năm 2019 là 0,84 lần với số liệu hiện có của Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ nói chung.

+ Hệ số bảo toàn vốn (H) = 1,14 lớn hơn 1, chứng tỏ Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

- **Về hiệu quả sử dụng vốn:**

+ Chỉ tiêu hiệu quả cho thấy Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần năm 2020 là 0,28 lần cao hơn so với năm 2019 là 0,26 lần và tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2020 là 0,131 lần thấp hơn so với năm 2019 là 0,137 lần; Lợi nhuận trên bình quân vốn CSH là 0,131 lần cao hơn so với năm 2019 là 0,128 lần. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2020 không chênh lệch nhiều so với năm 2019.

+ Lãi năm 2020 là 1.631 đồng/1 cổ phiếu tăng hơn so với năm 2019 là 145 đồng/ 1 cổ phiếu.

- **Về dự nợ tín dụng:** Số dư nợ vay các tổ chức ngân hàng tính đến ngày 31/12/2020 là: 227,711 tỷ đồng, giảm 84,138 tỷ so với cùng kỳ năm 2019.

**3.4. Vốn điều lệ:**



Ngày 14 tháng 09 năm 2017, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu SBM trên thị trường Upcom. Sau khi lên sàn Upcom, cơ cấu cổ đông của Công ty liên tục biến động.

Đến 31/12/2020, chi tiết vốn góp chủ sở hữu như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Vốn điều lệ đăng ký KD	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)
	<b>Vốn điều lệ đăng ký kinh doanh</b>	<b>390.000</b>	<b>39.000.000</b>	<b>100</b>
1	Ông Nguyễn Phúc Vinh		8.100.000	20,77
2	Tổng công ty điện lực Miền Bắc		7.259.835	18,615
3	Công ty TNHH Đầu tư Linh Lam		3.709.028	9,51
4	Công ty cổ phần Điện lực Miền Bắc		3.172.860	8,136
5	Cổ đông khác		16.758.277	42,97

### 3.5. Đầu tư XDCB và mua sắm TSCĐ:

Với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, vận hành Nhà máy thủy điện, do vậy phải đầu tư XDCB rất lớn, nguồn thu chính hiện nay là doanh thu sản xuất điện từ các Nhà máy thủy điện.

Tổng giá trị TSCĐ đã đưa vào sử dụng tính đến thời điểm 31/12/2020:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị ( đồng)
1	Nguyên giá TSCĐ đầu tư ban đầu	1.301.082.063.196
2	Hao mòn TSCĐ (lũy kế)	(575.386.041.334)
3	Giá trị TSCĐ còn lại đang sử dụng	725.696.021.862
4	Giá trị chi phí XDCB dở dang	5.353.355.188

Trong năm 2020, Công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà vận hành mới cho NMTĐ Nà Tàu có tổng diện tích 260 m<sup>2</sup>, 2 tầng, gồm 01 phòng làm việc, 1 phòng họp, 01 phòng ăn và 07 phòng ngủ với đầy đủ tiện nghi và trang thiết bị. Bên cạnh đó công ty tiếp tục thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa các hạng mục kiến trúc NMTĐ Nà Tàu, Thông Gót đảm bảo các nhà máy vận hành an toàn hiệu quả.

Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành nghiên cứu, khảo sát đánh giá đầu tư mới một số dự án thủy điện như Thủy điện Thông Gót mở rộng, thủy điện Suối Sập 3 mở rộng;

### 3.6. Thù Lao:

Thù lao HĐQT & BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua dự kiến mức chi trả thù lao HĐQT & BKS là 1.658,7 triệu đồng và theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-SBM ngày 3/01/2020 chi tiền thưởng thù lao lương HĐQT và BKS là 16 triệu đồng. Trong năm 2020 đã thực chi trả là 1.674,7 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Số người	Theo Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT	Thực hiện chi trả	Tỷ lệ TH so với NQ (%)
<b>Tổng thù lao HĐQT, BKS</b>			<b>1.674,7</b>	<b>1.674,7</b>	<b>100%</b>
1	Hội đồng quản trị	05	1.243	1.243	100%
2	Ban Kiểm soát	03	431,7	431,7	100%

### 3.7. Tình hình chi trả cổ tức

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 đợt 2 theo đúng nội dung Nghị quyết số 27/NĐ-ĐHĐCĐ-SBM ngày 24/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tổng số lợi nhuận chia cổ tức năm 2018 đợt 2 là 89.700 triệu đồng (*trong đó thuế cổ tức phải nộp NSNN là 2.836, cổ tức thực chia 86.864*). Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số tiền cổ tức năm 2020 là 33.593 triệu đồng, số tiền cổ tức chưa chi trả là 681 triệu đồng, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số cổ đông	Theo Nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT (đã trừ thuế cổ tức)	Thực hiện chi trả	Chưa chi trả (đã trừ thuế cổ tức)
<b>Tổng cộng</b>			<b>34.274</b>	<b>33.593</b>	<b>681</b>
1	Cổ tức năm 2016	286	2	0	2
2	Cổ tức ứng trước năm 2017	293	2	0	2
3	Cổ tức năm 2017 đợt 2	292	17	0	17
4	Cổ tức ứng trước năm 2018	296	16	0	16
5	Cổ tức năm 2018 đợt 2	293	34.237	33.593	644

Theo số liệu trên, số cổ tức chưa được chi trả chủ yếu là các cổ đông nhỏ chưa làm thủ tục nhận cổ tức.

### 3.8. Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế

Công ty hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế trong năm 2020, góp phần gia tăng nguồn thu vào ngân sách nhà nước (NSNN) với tổng số thuế đã nộp là 44,092 tỷ đồng.



Trong năm 2020, Cục thuế TP Hà Nội tiếp tục tiến hành thanh tra thuế tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh thời kỳ thanh tra năm 2018, 2019. Tuy nhiên đến nay Cục thuế TP Hà Nội vẫn xử lý xong về chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế TP Hà Nội về vấn đề này.

## **II. NHẬN XÉT:**

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2020, Ban Kiểm soát đưa ra một số nhận xét như sau:

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các lĩnh vực hoạt động phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh và được thể hiện rõ ràng, minh bạch trong báo cáo. Ban Kiểm soát không phát hiện bất cứ trường hợp bất thường nào trong hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện.

Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính được lập đầy đủ, bảo đảm tính chính xác, trung thực, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam.

## **III. KIẾN NGHỊ:**

1. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty.

2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông để đảm bảo thanh khoản ngắn hạn cho Công ty. Đồng thời, đề nghị Công ty làm việc với BIDV sở giao dịch 3 tiếp tục duy trì hạn mức vay ngắn hạn đã được phê duyệt. Trong trường hợp BIDV sở giao dịch 3 cắt giảm hạn mức vay ngắn hạn, đề nghị Ban Giám đốc công ty tìm kiếm các tổ chức tín dụng mới để mở thêm gói vay ngắn hạn để đảm bảo dòng tiền cho công ty.

3. Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty tiếp tục làm việc với Cục thuế TP Hà Nội để làm rõ việc ưu đãi miễn giảm thuế TNDN của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh để Công ty có cơ sở thực hiện nghĩa vụ với NSNN trong thời gian tới theo đúng quy định pháp luật hiện hành (*Việc áp dụng các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế TNDN khác nhau có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của các Cổ đông*).

4. Trên cơ sở kế hoạch SXKD được HĐQT phê duyệt, Công ty trình ĐHĐCĐ phê duyệt KH tài chính năm 2021 trên nguyên tắc đáp ứng các mục tiêu SXKD năm 2021 hiệu quả nhất.

## **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:**

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo qui định điều lệ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm 2021

tập trung vào một số nhiệm vụ quan trọng, chủ yếu sau:

1. Định kỳ kiểm tra giám sát việc thực hiện, chấp hành các chính sách, chế độ qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT Công ty ban hành.

2. Kiểm tra, kiểm soát báo cáo tài chính, công tác hạch toán kế toán, kiểm soát chi tiêu tài chính.

3. Theo dõi, kiểm soát việc thực hiện qui chế nội bộ của Công ty.

4. Thực hiện các công tác đột xuất khác mà HĐQT hoặc các cổ đông yêu cầu trong phạm vi chức năng của Ban kiểm soát được qui định.

5. Trên cơ sở kiểm tra hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát sẽ kiến nghị với HĐQT và Ban giám đốc Công ty để có các điều chỉnh, bổ sung các giải pháp nhằm đảm bảo cho công tác quản lý được chặt chẽ, đúng qui định, tránh các rủi ro về pháp lý cũng như công tác quản trị doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp nhà nước đúng qui định.

7. Giám sát việc thực hiện phân chia cổ tức theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 và Phương hướng hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh Báo cáo Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 xem xét.

Kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, thành đạt, hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn./.

*Nơi gửi:*

- Các Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu.

**T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Văn Minh**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH  
Số: 139/TTTr-HĐQT-SBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 và  
lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 8 tháng 4 năm 2016;

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh ngày 02 tháng 03 năm 2021.

- Tờ trình số 138/TTTr-QLCD-SBM ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Giám đốc công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua các nội dung:

**I. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:**

1. Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (BCTC năm 2020 được kiểm toán đính kèm);

2. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra và được HĐQT Công ty công bố trên website của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Báo cáo Kiểm toán;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020;



**II. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:** Kính trình Đại hội đồng Cổ đông lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh và đồng thời, giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn. /s/

*Nơi gửi:*

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Chiến**





## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 8 tháng 4 năm 2016.

Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh kính trình Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

### **I. Yêu cầu đối với đơn vị kiểm toán**

- Là đơn vị kiểm toán nằm trong danh sách các đơn vị đủ điều kiện kiểm toán theo công bố của Ủy ban chứng khoán nhà nước năm 2021;

- Là đơn vị kiểm toán có kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có uy tín về chất lượng dịch vụ và đảm bảo thời gian kiểm toán, có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán

Qua thăm dò và tìm hiểu một số công ty kiểm toán, Giám đốc Công ty trình HĐQT một số đơn vị kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC (ATC)

### **II. Đề xuất của Giám đốc công ty**

Sau khi xem xét và cân nhắc, Giám đốc Công ty kính đề xuất Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 với lý do sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là Công ty kiểm toán có kinh nghiệm kiểm toán trong lĩnh vực kinh doanh SBM và là một trong những công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2020;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã hợp tác, thực hiện kiểm toán với Công ty trong nhiều năm. Đánh giá của Công ty đối với Công ty kiểm toán này là giá cả hợp lý, dịch vụ tốt, chất lượng tốt.



Kính trình HĐQT xem xét thông qua đơn vị kiểm toán và giao Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn.

Trân trọng./.

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**GIÁM ĐỐC**



**Vũ Minh Tú**





## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (BKS) của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:

**I/ Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020**

1. Kế hoạch được duyệt trả:

- Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 thông qua:

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)		Tổng số tiền thù lao (Đồng)
				Thù lao	Chi phí khác	
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					<b>1.233.000.000</b>
1	Chủ tịch	1	12	48.750.000		585.000.000
2	Phó chủ tịch	1	4	30.000.000		120.000.000
3	Ủy viên HĐQT	3	12	2.000.000	10.000.000	432.000.000
4	Ủy viên HĐQT	1	8	2.000.000	10.000.000	96.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					<b>425.700.000</b>
1	Trưởng ban	1	12	25.475.000		305.700.000
2	Thành Viên	2	12	1.000.000	4.000.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>					<b>1.658.700.000</b>

- Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-SBM ngày 03/01/2020 của Hội đồng quản trị; Duyệt chi tiền thưởng (2 triệu đồng/người) cho HĐQT và BKS là 16.000.000 đồng.

2. Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 là: **1.674.700.000 Đồng**

Trong đó:



+ Thù lao HĐQT là: 1.243.000.000 đồng

+ Thù lao BKS là : 431.700.000 đồng

**II/ Dự toán thù lao và chi phí khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021:**

**1. Thù lao và chi phí khác:**

TT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Thù lao và chi phí khác (Đồng/người)		Tổng số tiền thù lao (Đồng)
				Thù lao	Chi phí khác	
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					<b>1.161.000.000</b>
1	Chủ tịch	1	12	48.750.000		585.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	12	2.000.000	10.000.000	576.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					<b>425.700.000</b>
1	Trưởng ban	1	12	25.475.000		305.700.000
2	Thành Viên	2	12	1.000.000	4.000.000	120.000.000
	<b>Cộng</b>					<b>1.586.700.000</b>

2. Các khoản bảo hiểm trích theo lương đối với Chủ tịch chuyên trách; Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với tổng số tiền là 72.720.750 đồng (theo kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 kèm theo quyết định số 02/QĐ-HĐQT-SBM ngày 18/01/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh phê duyệt).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Chiến**



### TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh được sửa đổi và thông qua ngày 8 tháng 4 năm 2016;

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Minh ngày 02 tháng 03 năm 2021.

- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh như sau:

DVT: Việt Nam đồng

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận và nghĩa vụ Ngân sách năm 2020</b>			
1	Lũy kế lợi nhuận sau thuế đến năm 2019 chuyển sang		57.909.667.897	
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2020		67.748.132.074	
3	Thuế TNDN phải nộp năm 2020		4.157.583.032	
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2020		63.590.549.042	
	<b>Lũy kế lợi nhuận sau thuế đến 31/12/2020</b>		<b>121.500.216.939</b>	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức</b>	<b>100</b>	<b>121.500.216.939</b>	
1	Tiền chậm nộp thuế	0,12	143.800.481	
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2021	3,29	4.000.000.000	



TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Số tiền	Ghi chú
-	Số dư đến 31/03/2021:		4.069.702.570	
-	Lũy kế quỹ đầu tư phát triển năm 2021		8.069.702.570	
3	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	0	0	
-	Số dư đến 31/03/2021		3.145.687.752	
-	Lũy kế quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021		3.145.687.752	
4	<b>Dự kiến phân phối Lợi nhuận như sau:</b>	<b>32,10</b>	<b>39.000.000.000</b>	<b>10% vốn điều lệ</b>
4.1	Chi trả cổ tức bằng tiền		19.500.000.000	5% vốn điều lệ
4.2	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu		19.500.000.000	5% vốn điều lệ
	<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>64,49</b>	<b>78.356.416.458</b>	

Kính trình ĐHQĐ CĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị SBM lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức năm 2019-2020 sao cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tại thời điểm chi (bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu) để mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn././A7P

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**  
  
  
**Nguyễn Văn Chiến**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Số: *112*/TT- HĐQT-SBM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày *19* tháng *05* năm 2021

## **TỜ TRÌNH**

**V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động  
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;*

*Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được Ban hành và thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 08/4/2016;*

Hội đồng quản trị SBM kính trình Đại hội đồng cổ thường niên năm 2021 việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động (Nội dung sửa đổi và toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động SBM sau khi được sửa đổi bổ sung kèm theo) nhằm phù hợp với điều kiện Công ty đại chúng cũng như định hướng phát triển của SBM.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Chiến**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
**BẮC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ: Số 20, Phố Trần Nguyên Hãn, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 37764615

Fax: (024) 37764614

Website: sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
**(Ban hành mới tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2021*





# MỤC LỤC

## ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

<b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Định nghĩa.....	1
<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>3</b>
Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty .....	3
Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty .....	3
<b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>4</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	4
<b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>5</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác.....	5
Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu .....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần .....	8
Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông .....	8
Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty .....	9
Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại .....	9
Điều 14. Thu hồi cổ phần.....	10
<b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>11</b>
Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	11
<b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>11</b>
Điều 16. Quyền hạn của cổ đông.....	11

Điều 17. Nghĩa vụ của các cổ đông .....	13
Điều 18. Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 19. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 26. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	23
Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua .....	23
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	27
<b>CHƯƠNG VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>28</b>
Điều 32. Hội đồng quản trị .....	28
Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị...	30
Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	30
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	31
Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	33
Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị ...	34
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	34
<b>CHƯƠNG VIII .GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....</b>	<b>35</b>
Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35



Điều 41. Giám đốc công ty .....	36
<b>CHƯƠNG IX. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .....</b>	<b>37</b>
Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc .....	37
Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan.....	37
Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý công ty .....	39
Điều 45. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	39
Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc .....	40
<b>CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>41</b>
Điều 47. Ban Kiểm soát.....	41
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên .....	42
Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	42
Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	43
Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	44
Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên .....	44
Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	45
<b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>45</b>
Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
<b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>46</b>
Điều 55. Công nhân viên và công đoàn .....	46
<b>CHƯƠNG XIII. THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>47</b>
Điều 56. Năm tài chính .....	47
Điều 57. Hệ thống kế toán .....	47
Điều 58. Việc trích lập quỹ .....	47
Điều 59. Cổ tức .....	47

<b>CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>48</b>
Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	48
Điều 61. Báo cáo thường niên .....	48
Điều 62. Công khai và công bố thông tin .....	49
<b>CHƯƠNG XV. CON DẤU .....</b>	<b>49</b>
<b>Điều 63: Con dấu.....</b>	<b>49</b>
<b>CHƯƠNG XVI. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>49</b>
Điều 64. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp .....	49
Điều 65. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp.....	50
Điều 66. Thanh lý .....	50
<b>CHƯƠNG XVII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>50</b>
Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
<b>CHƯƠNG XVIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>51</b>
Điều 68. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty .....	51
Điều 69. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.....	52
Điều 70. Điều khoản cuối cùng .....	52



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các quy định khác của pháp luật hiện hành;

Điều lệ tổ chức và hoạt động này (sau đây gọi tắt là "Điều lệ") của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh (sau đây được gọi tắt là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh. Các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua hợp lệ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật sẽ có hiệu lực bắt buộc thi hành trong các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 - Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh ngày tháng năm 2021.

**CHƯƠNG I**

**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Định nghĩa**

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* của Công ty hiện tại được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này và là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi Công ty tăng vốn điều lệ hoặc là tổng mệnh giá cổ phần đã bán còn lại khi công ty giảm vốn điều lệ;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán và người điều hành khác (người đứng đầu, chịu trách nhiệm về một lĩnh vực hoạt động của Công ty) theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) *Người có quan hệ gia đình* là cá nhân được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật doanh nghiệp
- k) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- m) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty;
- n) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con của Sở Giao dịch chứng khoán.
- q) *Đơn vị phụ thuộc* là các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.



## CHƯƠNG II

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Thời gian hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty**

2.1. Tên công ty:

Tên viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH

Tên viết bằng tiếng Anh: BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: SBM.JSC

2.2. Công ty là công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp có tư cách pháp nhân độc lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác có liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 20, phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (024) 37 764 615

Fax: (024) 37 764 614

- Website: sbm.com.vn

- Email: [bacminh.sbm@gmail.com](mailto:bacminh.sbm@gmail.com)

- Website: sbm.com.vn

2.4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng Đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc các công ty con tại địa bàn kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 63 của Điều lệ này, thời gian hoạt động của Công ty là không xác định thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty**

3.1 Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

3.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo Pháp luật: Căn cứ theo Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành về Người đại diện theo Pháp luật của Công ty cổ phần.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này công ty chỉ có 01 đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty, Công ty có thể có nhiều hơn 01 đại diện theo pháp luật nếu được Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua việc công ty có nhiều hơn 01 đại diện theo pháp luật.

### **CHƯƠNG III**

#### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty**

###### **4.1. Mục tiêu hoạt động của công ty:**

- Tập trung vốn, nguồn lực để đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ theo các hình thức BOO, BOT nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận

- Kinh doanh đúng ngành nghề, đảm bảo tuân thủ pháp luật với mục tiêu có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại Công ty; tối đa hoá lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước theo quy định, đồng thời đem lại việc làm và không ngừng cải thiện thu nhập cho người lao động.

- Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của toàn Công ty; đa dạng hoá ngành nghề sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm và thu nhập cho người lao động

- Nâng cao tính cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh, ổn định.

###### **4.2. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty:**

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Sản xuất kinh doanh điện năng,

- Tư vấn quản lý và giám sát xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30 MW,

- Tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110 kV.

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc mở rộng hay chuyển đổi phạm vi hoạt động kinh doanh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

##### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

5.1. Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, tự quyết định việc thay đổi ngành nghề đăng ký kinh doanh, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được mục tiêu của Công ty.



5.2. Công ty có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và HĐQT xét thấy có lợi cho Công ty. Trong trường hợp ngành nghề kinh doanh của Công ty là ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Công ty chỉ được thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG IV

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, các loại chứng khoán khác**

6.1. Vốn điều lệ của Công ty là 390.000.000.000 VNĐ (Ba trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/01 cổ phần.

6.2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và việc thay đổi vốn điều lệ (tăng, giảm) phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.3. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 16, Điều 17 Điều lệ này.

6.4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo quy định của Luật doanh nghiệp sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán được nêu tại **Phụ lục số 01** đính kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

6.6 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác hoặc Luật doanh nghiệp có quy định khác.

6.7. Trong trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi cổ đông thì Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có

thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp việc bán cổ phần theo các điều kiện thuận lợi hơn được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác hoặc trong trường hợp số cổ phần do Hội đồng quản trị được quyền bán được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6.8. Công ty có thể mua lại cổ phần của cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty. Việc mua lại cổ phần được thực hiện theo quy định tại Điều 131, Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần của Công ty phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 134 của Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phần chưa bán và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.10. Công ty được quyền phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật về doanh nghiệp.

## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

7.1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà Cổ đông đang sở hữu.

7.2. Cổ phiếu của Công ty là loại chứng khoán do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đối với cổ đông sở hữu cổ phần. Cổ phiếu của Công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

7.3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của Cổ đông sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Cổ



đồng có quyền yêu cầu Công ty chỉnh sửa các sai sót này mà không phải trả chi phí. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại (nếu có) do những sai sót đó gây ra.

7.4. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu, Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Công ty được quyền phát hành các loại chứng khoán khác dưới dạng Chứng chỉ chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và/hoặc Luật chứng khoán.

### **Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông**

9.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông của Công ty có thể được lập bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông hoặc cả hai loại này.

9.2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

9.3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

9.4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

9.5. Công ty có trách nhiệm cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông đối với các nội dung thay đổi về cổ đông, cổ phần trong Sổ đăng ký cổ đông

#### **Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần**

10.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

10.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi như đối với cổ phần đã thanh toán như quyền nhận cổ tức, quyền mua cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

10.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

10.4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

10.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

10.6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một phần cổ phần của mình thì cổ phiếu ghi nhận toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

10.7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 9.2, Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 11. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

11.1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ



ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết mà cổ đông biểu quyết không thông qua..

11.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 11.1 Điều này với giá thị trường, hoặc giá do Hội đồng quản trị quyết định, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

12.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

12.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 12.3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

12.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

### **Điều 13. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

13.1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông

theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

13.2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

13.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

13.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### **Điều 14. Thu hồi cổ phần**

14.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

14.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

14.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

14.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3, Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

14.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ các quyền lợi của cổ đông đối với những cổ phần đó (nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên



quan cộng với tiền lãi theo mức lãi suất do Công ty quyết định áp dụng tại thời điểm đó) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

14.6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## CHƯƠNG V

### CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

#### **Điều 15. Cơ cấu tổ chức quản lý**

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm:

- 15.1. Đại hội đồng cổ đông.
- 15.2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
- 15.3. Giám đốc.

## CHƯƠNG VI

### CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 16. Quyền hạn của cổ đông**

16.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác của Hội đồng quản trị theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;



d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

16.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác (nếu có) được quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

16.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự thỏa thuận bằng văn bản và họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

16.5. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

### **Điều 17. Nghĩa vụ của các cổ đông**

17.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

17.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

17.3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

17.4. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

17.5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

17.6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

17.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

17.8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 18. Đại hội đồng cổ đông**

18.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty

18.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:



- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

### **Điều 19. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

19.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

19.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thực hiện;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp giá trị hợp đồng, giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;



u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

19.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

19.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại theo quy định tại Điểm b khoản 19.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, d Khoản 19.3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

19.5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 19.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

19.6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 19.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

19.7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

19.8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 19.4, 19.5 và 19.6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

#### **Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

20.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

20.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

20.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quy định trên cơ sở thực hiện theo quy định tại pháp luật.

#### **Điều 21. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

21.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

21.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến



nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

21.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 21.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

21.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 21.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 21.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

22.1 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty hoặc danh sách cổ đông lưu ký tại Công ty chứng khoán, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp

22.2 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ở địa chỉ [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) hoặc địa chỉ khác trong trường hợp công ty thay đổi địa chỉ website Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tải về tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

## **Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

23.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự

hợp hoặc dự hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 23.3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự hợp Đại hội đồng cổ đông.

23.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự hợp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự theo mẫu do Công ty quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự hợp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự hợp trước khi vào phòng hợp.

23.3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

#### **Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự hợp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

24.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự hợp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

24.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 24.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự hợp.

24.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

#### **Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:



25.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu tiếp theo, số thẻ biểu quyết Không có ý kiến được thu cuối cùng, sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

25.2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

25.3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

25.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

25.5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc gia hạn thời hạn công bố kết quả kiểm phiếu;

25.6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

25.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền, người được phân công phụ trách an ninh cuộc họp của Công ty duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

25.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

25.9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 25.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



25.10. Trường hợp Công ty áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 26. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

26.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

26.2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

#### **Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

27.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 27.3, 27.4 Điều lệ này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

27.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 27.1, 27.3 và 27.4 Điều lệ này.

27.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

27.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

27.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty.

### **Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

28.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; trừ trường hợp quy định theo khoản 2, Điều 147 Luật doanh nghiệp.

28.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

28.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;



c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

28.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

28.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

28.6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

28.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

28.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

29.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;



h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

29.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

29.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

29.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 31.2 Điều 31 của Điều lệ này;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

31.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

31.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

31.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG VI**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 32. Hội đồng quản trị**

32.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

32.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 12.1, Khoản 12.2 Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;



i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này

32.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

32.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

32.5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

33.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.

33.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.

33.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

### **Điều 34. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

34.1. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

34.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

34.3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty khác.

### **Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

35.1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty.

35.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.



35.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

35.4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

35.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

### **Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

36.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị

họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

36.3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

36.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

36.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 36.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

36.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

36.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên

Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

36.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

36.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:



- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 36.10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

36.10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

37.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
- Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính

xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

37.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 37.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

37.3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

37.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

### **Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

38.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

38.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

39.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

39.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

39.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại mục 39.1 và mục 39.2 Điều này.

39.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số thành



viên Hội đồng quản trị hiện hữu. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

39.2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị đã được thông qua trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên đó vẫn được coi là có hiệu lực.

39.3. Trong nhiệm kỳ, Cổ đông là pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn của mình tại Công ty nếu người đó đang là thành viên Hội đồng quản trị theo yêu cầu của Cổ đông là pháp nhân, hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này chức danh thành viên Hội đồng quản trị mặc nhiên được kế thừa cho người đại diện mới của cổ đông pháp nhân đó. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty biết. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi người đại diện, Hội đồng quản trị sẽ có văn bản xác nhận việc thay thế. Nếu quá thời hạn trên, Hội đồng quản trị Công ty không có văn bản xác nhận thì việc thay thế của cổ đông pháp nhân đương nhiên có hiệu lực.

## **CHƯƠNG VIII**

### **GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 40. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành Quy chế quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một

hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

#### **Điều 41. Giám đốc công ty**

41.1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

41.2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

41.3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức Công ty, đề xuất quy chế quản lý nội bộ của Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt, ban hành;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương, thưởng và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

41.4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty (nếu có) và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

41.5. Đối với Công ty, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:



- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ (nếu có); người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

## CHƯƠNG IX

### **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc**

42.1. Công ty thực hiện việc trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

42.2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

42.3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 43. Công khai các lợi ích liên quan**

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

43.1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

43.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

43.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 43.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

43.4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 43.1 và Khoản 43.2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm iii Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật.

43.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn



lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### **Điều 44. Trách nhiệm của người quản lý công ty**

44.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty. Thông báo kịp thời và đầy đủ, chính xác cho Công ty về các nội dung quy định tại mục 43.2 Điều 43 của Điều lệ này.

44.2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

#### **Điều 45. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận**

45.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

45.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 45.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp

đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

45.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 45.2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

45.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 45.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

45.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 45.2 và Khoản 45.3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

#### **Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc**

46.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;



d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

46.2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

46.3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

## **CHƯƠNG X** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 47. Ban Kiểm soát**

47.1. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

47.2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

47.3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

47.4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

47.5. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để lập báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

48.1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

48.2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 48.1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại công ty mẹ và tại công ty.

**Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

49.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

49.2 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp;

49.3 Các quyền và nghĩa vụ khác bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d. Điều phối và đảm bảo việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông hiệu quả tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

#### **Điều 50. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

50.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

50.2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

50.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản

lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

#### **Điều 51. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

51.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, quyền lợi khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát;

51.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

51.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 52. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

52.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

52.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

52.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

52.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

52.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 52.1, 52.2, 52.3 và 52.4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

52.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban



Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 53. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

53.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

53.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

53.3. Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn đang là thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông pháp nhân hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông pháp nhân đó được quyền đề cử chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174, Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG XI** **QUYỀN ĐIỀU TRA SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 54. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

54.1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

54.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

54.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

54.4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

54.5. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Điều lệ Công ty được công bố trên website: [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn).

## **CHƯƠNG XII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 55. Công nhân viên và công đoàn**

Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và nội quy, kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành



## **CHƯƠNG XIII**

### **THỐNG KÊ, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 56. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

#### **Điều 57. Hệ thống kế toán**

Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải thích các giao dịch của Công ty.

#### **Điều 58. Việc trích lập quỹ**

58.1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các Quỹ sau: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

58.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

#### **Điều 59. Cổ tức**

59.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức có thể được trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc bằng các tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ và bù đắp đầy đủ lỗ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ngay sau khi chi hết số cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

59.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

59.3. Trường hợp chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

59.4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 126 của Luật doanh nghiệp năm 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

59.5. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIV** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM** **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

60.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

60.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

60.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### **Điều 61. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



## **Điều 62. Công khai và công bố thông tin**

Công ty thực hiện công bố, công khai các thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XV**

### **CON DẤU**

#### **Điều 63: Con dấu**

63.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Nội dung con dấu Công ty thể hiện những thông tin cơ bản sau đây:

- i) Tên doanh nghiệp;
- ii) Mã số doanh nghiệp;
- iii) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

63.2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 40 Luật doanh nghiệp.

63.3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XVI**

### **GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 64. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp**

64.1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

64.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại Điểm c Khoản 64.1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

#### **Điều 65. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp**

Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

#### **Điều 66. Thanh lý**

66.1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

66.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

66.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XVII**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ**



67.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

67.2. Ban hoà giải gồm 03 người. Mỗi bên tranh chấp sẽ cử ra một người, người thứ 3 sẽ do hai người này chỉ định. Thành viên Ban hoà giải không phải là cổ đông Công ty hoặc là người có liên quan của bất cứ cổ đông Công ty nào có liên quan đến tranh chấp đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong vòng 20 ngày, kể từ khi nhận nhiệm vụ, Ban hoà giải phải đưa ra phán quyết về vụ tranh chấp, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 03 tháng.

Thù lao thành viên Ban hoà giải do các bên tranh chấp thỏa thuận.

Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty có trách nhiệm tạo các điều kiện để Ban hoà giải làm việc.

67.3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

67.4. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XVIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 68. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty**

68.1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong Điều lệ này thì được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

68.2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong Điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

### **Điều 69. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

69.1. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông được tổ chức hợp lệ và được số cổ đông đại diện cho 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mới có quyền bổ sung, sửa đổi các điều khoản của Điều lệ này.

69.2. Khi áp dụng Điều lệ công ty, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ thì Hội đồng quản trị công ty được quyền căn cứ theo Luật doanh nghiệp để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của công ty và không trái Pháp luật.

Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ Công ty thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra Đại hội đồng cổ đông gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp.

### **Điều 70. Điều khoản cuối cùng**

Điều lệ này gồm 18 chương 70 điều đã được các cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày      tháng      năm 2021 và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ được lập thành 05 bản có giá trị như nhau và phải được lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty.

Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty và thay thế bản Điều lệ và các phụ lục sửa đổi Điều lệ trước đây./.



## PHỤ LỤC

### SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG SBM TẠI ĐHQĐ CĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 142/TT-HĐQT-SBM ngày 19 / 5 / 2021)

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
1	<b>Điều 1. Định nghĩa</b> c. Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014	<b>Điều 1. Định nghĩa</b> b. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020	Điều chỉnh theo Luật doanh nghiệp 2020	Đồng ý nội dung điều chỉnh vì Luật doanh nghiệp 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 thay thế Luật DN 2014
		d) Luật chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Điều chỉnh theo Luật chứng khoán 2019	Đồng ý nội dung điều chỉnh vì Luật chứng khoán 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 thay thế Luật chứng khoán cũ
		i) Người có quan hệ gia đình là cá nhân được quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật doanh nghiệp		Điều chỉnh theo Luật doanh nghiệp 2020

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	Người liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp	k) Người liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp;		khoản
2	<b>Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu</b> 6.2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện pháp luật của Công ty theo các quy định tại LDN. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 7: Chứng nhận cổ phiếu</b> Cổ phiếu của Công ty là loại chứng khoán do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đối với cổ đông sở hữu cổ phần. Cổ phiếu của Công ty bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa đổi theo Điều 7 của Bản điều lệ mẫu áp dụng với Công ty Đại chúng quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020	Tư vấn luật đề nghị sửa cho đúng quy định tại Thông tư 116
3	<b>Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông</b>	<b>Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông</b> 9.6. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định.	Khoản 5, Điều 122 LDN 2020	
4	<b>9. Chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>10. Chuyển nhượng cổ phần</b>	SBM là công ty đại chúng, khi chuyển nhượng	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>9.1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và theo các quy định của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>9.2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị</p>	<p>10.1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>CP thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán =&gt; Bỏ 9.2</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.			
5	<p><b>Điều 15. Quyền hạn của cổ đông</b></p> <p>15.1</p> <p>iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy định Pháp luật</p>	<p><b>Điều 16. Quyền hạn của cổ đông</b></p> <p>16.1:</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và</p>	<p>Căn cứ</p> <p>- Điều 115, LDN 2020;</p> <p>- Điều 12, Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>- Quy định chi tiết hơn về quyền của Cổ đông phổ thông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền: Xem xét, tra cứu Nghị quyết HĐQT, yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ;... hoặc 10% có các quyền đề cử người vào HĐQT...</p> <p>- 16.3: Bãi bỏ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>15.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.</p>	<p>công bố đầy đủ cho cổ đông;  k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;  l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>16.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên....</p> <p>16.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay</p>	<p>quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
		<p>thế;</p> <p>16.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên...</p>		
6	<p><b>Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p>	<p><b>Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>17.5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>17.6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>17.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p>	<p>- Khoản 5, Điều 119 - LDN 2020</p> <p>- Điều 13, Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Bổ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
7	<p><b>Điều 17. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.</p>	<p><b>Điều 18. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>18.2</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p>	<p>Điều 138 - LDN 2020: bổ sung chi tiết 1 số quyền hạn của ĐHĐCĐ mà LDN 2014 chưa đề cập đến</p>	
8	<p><b>Điều 18. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ</b></p> <p>18.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p><b>Điều 19. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>19.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều 139 LDN 2020, HĐQT sẽ quyết định việc gia hạn thời gian ĐHĐCĐ TN thay vì Cơ quan đăng ký kinh doanh</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
		<p>19.2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>- Khoản 1, Điều 167 LDN 2020</p> <p>- Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Bổ sung các trường hợp cần thông qua tại ĐHĐCĐ</p>	
9	<p><b>Điều 19. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>19.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách</p>	<p><b>Điều 20. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>20.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có</p>	<p>Điều 141 LDN, quy định thời gian lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời thay vì 05 ngày như LDN 2014</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.		
10		<p><b>Điều 22. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>22.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>Khoản 1, Điều 143, LDN 2020</p> <p>Khoản 3, Điều 18, Thông tư 116/TT-BTC: Kéo dài thời gian thông báo mời họp chậm nhất 21 ngày và hướng dẫn rõ ràng những nơi cần công bố thông tin</p>	

11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
11	<p><b>Điều 21. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>i) Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 22.2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>ii) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy</p>	<p><b>Điều 23. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>23.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 23.3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>23.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy</p>	<p>khoản 1 Điều 144 LDN 2020: không có sự giới hạn về số lượng người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>Bỏ quy định ủy quyền phải lập theo mẫu Công ty phát hành, chỉ cần đáp ứng các quy định của Bộ luật dân sự hiện hành</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.		
12	<b>Điều 23. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> 23.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.	<b>Điều 24. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b> 24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;	Khoản 1, Điều 145 Thay đổi tỷ lệ có mặt tham dự họp	
13	<b>Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b> 26.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	<b>Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b> 27.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Khoản 4, Điều 148 LDN 2020 cho phép tỉ lệ là trên 50%, tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định Khoản 3, Điều 22, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC	
14	<b>Điều 27. Thẩm quyền và thể</b>	<b>Điều 28. Thẩm quyền và thể thức</b>	Điểm đ, khoản 5, Điều 149, LDN 2020	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
15	<p><b>Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><b>Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điểm i, Điều 150, LDN 2020</p> <p>Thêm trường hợp Biên bản được chấp nhận khi chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản</p>	
16	<p><b>Điều 31. Hội đồng quản trị</b></p> <p>31.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới</p>	<p><b>Điều 32. Hội đồng quản trị</b></p> <p>32.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 166 LDN2020: Loại bỏ điều kiện cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông liên tục trong 6 tháng.</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</p>	<p>liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.</p>		
17	<p><b>Điều 32. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b> 32.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản</p>	<p><b>Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</b> 33.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các</p>	<p>Khoản 1,2 Điều 154 LDN 2020: thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được tham gia Thành viên HĐQT độc lập không kiêm nhiệm quá 02 nhiệm kỳ liên tục theo quy định tại Điều 154 Luật DN năm 2020</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>27.5 v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua</p> <p>27.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử <a href="http://www.sbm.com.vn">www.sbm.com.vn</a> của Công ty</p> <p>27.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>28.5 d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;”.</p> <p>28.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử <a href="http://www.sbm.com.vn">www.sbm.com.vn</a> của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>28.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 6, 8, Điều 22, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC</p>	

11/01/2024 14:14



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.</p>		
18	<p><b>Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>  34.1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p><b>Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>  35.1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty.  35.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội</p>	<p>Khoản 2, Điều 156, LDN 2020: Bổ sung quy định Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm Giám đốc</p> <p>Khoản 4, Điều 156 LDN 2020 bổ sung quy định khi CTHĐQT chết, mất tích....</p> <p>Khoản 5, Điều 156 LDN 2020: Thư ký không còn do Chủ tịch HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm mà do HĐQT quyết định</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>34.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>34.4 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị</p> <p>34.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng</p>	<p>đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>35.4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty</p>	<p>Khoản 4, Điều 29, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC: chỉ rõ thời hạn bầu người thay thế trong trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	quản trị.	35.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm		
19		<p><b>Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị</b></p> <p>37.2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b,c, d, đ, e, g và h khoản 37.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p>	Khoản 2, Điều 158, LDN 2020 điều chỉnh thêm trường hợp Chủ tọa, thư ký không đồng ý ký Biên bản họp	
20		<p><b>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>39.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	Khoản 2, Điều 160 LDN 2020: Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng, ĐHCĐ có thể ra quyết định bãi nhiệm thành viên HĐQT	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
		<p>trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>		
21	<p><b>Điều 40. Giám đốc công ty</b> 40.2....Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p><b>Điều 41. Giám đốc Công ty</b> 41.2....Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 5, Điều 162 LDN2020: GD Công ty đại chúng: Không là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, KSV.....</p>	
22	<p><b>Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận</b> 44.1iii) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp. 44.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp</p>	<p><b>Điều 45. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</b> 45.1c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 45.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 45.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này,</p>	<p>Khoản 2, 3 Điều 167 LDN 2020: thêm điều kiện chấp thuận hợp đồng, giao dịch</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>44.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 44.2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội</p>	<p>người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>45.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 45.2 Điều này;</p> <p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở</p>	<p>Bổ sung thêm trường hợp hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua dù giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	<p>hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>		
23	<p><b>Điều 46. Ban Kiểm soát</b> 46.1. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ</p>	<p><b>Điều 47. Ban Kiểm soát</b> 47.1. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát</p>	<p>Điều 168 LDN 2020: sửa đổi quy định về Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên</p>	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p>của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>46.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p>	<p>viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>47.2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p> <p>47.4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	
24	<b>Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV</b>	<b>Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b>	Điều 169 LDN 2020: Bổ sung thêm điều kiện về tiêu chuẩn của kiểm soát viên được đào tạo	





TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
		<p>kiện quy định tại khoản 48.1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.</p>		
25	<p><b>Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b></p>	<p><b>Điều 49. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b> 49.2 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp; 49.3 Các quyền và nghĩa vụ khác:</p>	<p>Khoản 3, Điều 170, LDN 2020 bổ sung quyền: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p>	
26		<p><b>Điều 59. Cổ tức</b> 59.4. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 126 của Luật doanh nghiệp năm 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ</p>	<p>Khoản 6, Điều 135 LDN 2020: Hướng dẫn chi trả cổ tức bằng cổ phần</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
		phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.		
27	<b>CHƯƠNG XIV CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>CHƯƠNG XIV BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> Điều 60. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý Điều 61. Báo cáo thường niên Điều 62.	Điều 55, 56 Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC	
28		<b>Điều 63: Con dấu</b> 63.1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 63.2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có)	Điều 43, LDN 2020 thay đổi như sau: - Công ty được tự quyết định loại, hình thức, số lượng, nội dung con dấu - Công ty được tự lựa chọn con dấu khắc thủ công hay con dấu điện tử - Công ty không phải thực hiện thủ tục thông báo mẫu dấu trên trang Cổng thông tin Quốc gia	



TT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật	Ý kiến tư vấn luật
	<p><b>Điều 62. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp</b></p> <p>62.1. Việc giải thể được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.</p> <p>62.2. Quyết định giải thể của doanh nghiệp được doanh nghiệp đăng báo trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.</p>	<p><b>Điều 65. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp</b></p> <p>Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 208 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.</p>	Điều 208, LDN 2020	
		<b>Điều 66. Thanh lý</b>		
	<p><b>Điều 66. Điều khoản cuối cùng</b></p> <p>Điều lệ này gồm 18 chương 66 điều đã được các cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua ngày 8 tháng 4 năm 2016.</p>	<p><b>Điều 70. Điều khoản cuối cùng</b></p> <p>Điều lệ này gồm 18 chương 70 điều đã được các cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.</p>		







**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 20, Phố Trần Nguyên Hãn, Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội

Điện thoại: (024) 37764615

Fax: (024) 37764614

Website: sbm.com.vn

Email: bacminh.sbm@gmail.com

# **QUY CHẾ QUẢN TRỊ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

**(Ban hành mới tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)**

*Hà Nội, tháng 4 năm 2021*

# MỤC LỤC

## QUY CHẾ QUẢN TRỊ

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Những căn cứ pháp lý .....	1
Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh .....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt.....	2
<b>CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>2</b>
<b>MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>2</b>
Điều 4. Quyền hạn của cổ đông.....	2
Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông .....	4
Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	5
<b>MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>6</b>
Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua .....	14
Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	18
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>19</b>
<b>MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>19</b>
Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị .....	19
Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	21
<b>MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>23</b>
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị .....	25



Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	27
Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
<b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>30</b>
Điều 27. Ban Kiểm soát.....	30
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên .....	31
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	31
Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên .....	33
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	33
<b>CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....</b>	<b>34</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	34
Điều 34. Giám đốc công ty .....	35
Điều 35. Phó Giám đốc công ty.....	36
Điều 36. Chế độ họp, báo cáo.....	36
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH .....</b>	<b>36</b>
Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát.....	36
Điều 38. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc .....	38
Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.....	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.....	40
<b>CHƯƠNG VII. CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>41</b>
Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin .....	41
<b>CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>42</b>
Điều 42. Hiệu lực thi hành.....	42

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Những căn cứ pháp lý**

Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (sau đây gọi là Công ty) được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được Ban hành và thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày ...../...../2021;

**Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh và Cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ, phương thức hoạt động của các Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện Công ty và các cán bộ điều hành; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp; quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong quá trình quản trị Công ty

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Cổ đông và những người có liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

3. Các văn bản, quy chế, quy định về quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển



Bắc Minh đã ban hành trước đây có nội dung trái với Quy chế này đều không còn hiệu lực

4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành thì những quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành được ưu tiên áp dụng.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt**

1. **Công ty:** là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
2. **Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện (NMTĐ):** Các Phòng, Ban chức năng, các Nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
3. **Các doanh nghiệp khác:** Các tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mà Công ty có góp vốn đầu tư hoặc sở hữu vốn, sở hữu cổ phần.
4. **Luật Doanh nghiệp:** Luật Doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành.
5. **Luật chứng khoán:** Luật chứng khoán đang có hiệu lực thi hành.
6. **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
7. **Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
8. **Ban kiểm soát:** Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

## **CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Quyền hạn của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác

của pháp luật có liên quan;

d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác của Hội đồng quản trị theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu



triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác (nếu có) được quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự thỏa thuận bằng văn bản và hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông**

1. Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

c) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d) Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

d) Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

4. Trách nhiệm của Cổ đông lớn:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và các Cổ đông khác.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;



- c) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thực hiện;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp giá trị hợp đồng, giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;



u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại theo quy định tại Điểm b khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

### **Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quy định trên cơ sở thực hiện theo quy định tại pháp luật.

### **Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.



2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty hoặc danh sách cổ đông lưu ký tại Công ty chứng khoán, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ở địa chỉ [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) hoặc địa chỉ khác trong trường hợp công ty thay đổi địa chỉ website. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tải về tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;

## **Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự theo mẫu do Công ty quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

## **Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.



### **Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu tiếp theo, số thẻ biểu quyết Không có ý kiến được thu cuối cùng, sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc gia hạn thời hạn công bố kết quả kiểm phiếu;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền người được phân công phụ trách an ninh cuộc họp của Công ty duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



10. Trường hợp Công ty áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo đề cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

#### **Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty.

#### **Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá



nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;



h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều

lệ công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn



nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Giám đốc công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:
  - Phân công, phân nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị;
  - Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về kế hoạch, ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.
  - Phê duyệt các tất cả các thay đổi, phát sinh so với các kế hoạch, ngân sách, tài chính mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
  - Phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - Phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu các hạng mục xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;
  - Phê duyệt nội dung các hợp đồng xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;
  - Ký ban hành quyết định về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền của Ban



Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Cử đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn góp, cổ phần tại các Công ty con, công ty liên kết, đề cử, bổ nhiệm, phân cấp phần quyền cho Chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch HĐQT tại các công ty con, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con;

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giúp việc tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Giúp việc thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Giúp việc Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Giúp việc công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Giúp việc công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

## MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên gồm: 01 Chủ tịch chuyên trách, 04 Ủy viên.

2. Các Hội đồng quản trị thi hành các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị phải đạt những tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty khác.

4. Phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan và tuyên bố này phải được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty và Chi nhánh của Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 5% vốn điều lệ.

5. Việc kê khai các lợi ích quy định tại các khoản 4 trên đây phải được thực hiện trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này và/hoặc vi phạm quy định sau:

a) Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đã có những lỗi nghiêm trọng và/hoặc gây nên sự cố dẫn đến thua lỗ cho Công ty hoặc ảnh hưởng lớn đến uy tín của Công ty;

b) Không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Vi phạm nghiêm trọng Luật Doanh nghiệp, cụ thể gồm:



- Bị truy cứu, bị kết tội về các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác;

- Kê khai không trung thực lý lịch kinh doanh của mình và những người liên quan với mình;

- Không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty nhằm mục đích ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự có tính chất tư lợi;

- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh của Công ty cho cá nhân, tổ chức khác để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Công ty;

- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Công ty, trừ khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị cho phép hoặc buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Mất, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng pháp lý chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

đ) Vắng mặt liên tục 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị hoặc không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

e) Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm;

g) Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân, pháp nhân bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

h) Bị cổ đông là pháp nhân rút quyền đại diện;

i) Thành viên có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty.

k) Công ty bị giải thể, phá sản theo quyết định của toàn án hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Các trường hợp thành viên HĐQT bị miễn nhiệm theo quy định ở Khoản 6 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

a) Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng pháp lý chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự

b) Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác.

c) Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;

d) Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân (bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);

8. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông qua bằng nghị quyết

9. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thay thế thành viên hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi miễn và thành viên này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngay sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày thành viên này được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

10. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thay thế hoặc một người bất kỳ nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế. Việc ủy quyền và bãi miễn này phải lập thành văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ nếu họ không thông báo địa chỉ có thể nhận thông báo tại Việt Nam;

c) Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và các lỗi vi phạm của mình như một thành viên chính thức.

11. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty (trừ thành viên Ban Kiểm soát) hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật; Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Ngoài việc triệu tập họp thường kỳ mỗi quý ít nhất họp 01 lần, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào, khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

b) Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;

c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

3. Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:



a) Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề bàn bạc tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo

b) Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi nhận được đề nghị. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc;

c) Nếu quá các thời hạn nêu trong Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định thì Hội đồng quản trị sẽ tự động họp và cuộc họp sẽ được coi là hợp lệ nếu đáp ứng điều kiện về số thành viên dự họp theo Khoản 1, Điều 24 Quy chế này.

d) Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

4. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp khác việc triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định.

6. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia họp trực tuyến này được coi là có mặt.

Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 điều này là địa điểm có nhiều nhất số thành viên Hội đồng quản trị nhất tham dự họp và nếu không có nhóm tập họp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

7. Những người được mời họp dự thính: Kiểm soát viên; Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty, chuyên gia của Bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

## **Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị cử thay thế tham dự.

2. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 của Điều này;

c) Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thỉnh, khách mời không được biểu quyết;

d) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên Hội đồng quản trị dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

4. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.

5. Những quyết định phải được Hội đồng quản trị thông qua với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận. Với những quyết định được đề cập trong Khoản này, trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị không có tính chất quyết định như đã đề cập ở Điểm b khoản 3 Điều này và phải tổ chức biểu quyết lại.

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;



b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

d) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

e) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;

h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

i) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

k) Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

6. Những người được mời họp dự thính không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của Hội đồng quản trị.

7. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản;

b) Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Thời gian và địa điểm họp;

- Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền;

- Chương trình cuộc họp ;

- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;
- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- Chữ ký có ghi rõ tên của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

### **Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị. Những văn bản của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan chức năng Nhà nước thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị được gửi tới thường trực Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Giám đốc thì sao gửi cho thường trực Hội đồng quản trị để theo dõi;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của Giám đốc;

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với, các Giám đốc chi nhánh, những người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các Công ty có vốn góp của Công ty, các Trưởng, phó Phòng, ban, NMTĐ của Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi đã thông báo cho Giám đốc biết. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của các cán bộ quản lý trong Công ty.

### **Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông quyết định trích một khoản kinh phí từ doanh thu hoạt động của Công ty đảm bảo hoạt động cho Hội đồng quản trị và được tính vào chi phí quản lý của Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.

2. Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp;



- Chi phí tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại hoặc đàm phán ký kết hợp đồng giao dịch của Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Chi phí tư vấn.

b) Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.

c) Đảm bảo thù lao tương xứng cho các thành viên trong Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị trong phạm vi khoản Ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông đồng ý trích làm kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, tiền thưởng và chi phí khác. Tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị nằm trong số kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và cũng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có kiêm nhiệm chức danh quản lý điều hành khác trong Công ty ngoài hưởng lương và lợi ích từ chức danh quản lý điều hành đó vẫn được hưởng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Tuỳ theo kết quả kinh doanh của Công ty, ngoài thù lao, thành viên Hội đồng quản trị được nhận một khoản tiền thưởng. Tổng mức thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị chỉ xem xét và thưởng cho từng thành viên trong phạm vi mức thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 27. Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế

toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội cổ đông;

#### **Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại công ty mẹ và tại công ty.

#### **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp;

2 Các quyền và nghĩa vụ khác bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d. Điều phối và đảm bảo việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông hiệu quả tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

### **Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản

lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 52.1, 52.2, 52.3 và 52.4 Điều 51 Điều lệ Công ty mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phân vốn đang là thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông pháp nhân



hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông pháp nhân đó được quyền đề cử chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174, Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG V**

### **GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hệ thống quản lý của công ty được phân cấp quản lý như sau:

##### **1. Công ty mẹ**

###### **a) Cấp lãnh đạo: Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan lãnh đạo, điều hành của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

###### **b) Cấp quản trị điều hành: Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc hoạt động theo cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban giám đốc được quy định theo phân cấp nhiệm vụ điều hành và thẩm quyền ký duyệt của Công ty.

###### **c) Cấp quản lý: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các nhà máy**

Trưởng các phòng, ban (hoặc chức danh tương đương) và Giám đốc các nhà máy thực hiện các công việc quản lý và chuyên môn theo phân công nhiệm vụ của Ban giám đốc và giúp Ban giám đốc điều hành các hoạt động trong phạm vi đơn vị mình phụ trách

##### **2. Công ty con, công ty liên kết thuộc Công ty mẹ**

Các công ty con, công ty liên kết hoạt động theo mô hình hoạt động độc lập. Việc phân cấp điều hành thực hiện theo ngành dọc (điều hành về chuyên môn), do các

phòng ban chuyên môn của Công ty mẹ kiểm soát về chuyên môn và theo ngành ngang (điều hành về quản lý, quản trị) do Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty quản lý trực tiếp.

### **Điều 34. Giám đốc công ty**

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Đối với Công ty, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp,



Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

### **Điều 35. Phó Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty, Phó giám đốc chịu trách nhiệm giúp việc và chịu sự quản lý điều hành của Giám đốc Công ty và trực tiếp phụ trách một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

### **Điều 36. Chế độ họp, báo cáo**

Giám đốc chủ trì các cuộc họp định kỳ hàng tháng và bất thường (theo quyết định của Giám đốc hoặc có yêu cầu từ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị) với các cán bộ quản lý của Công ty để đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của Hội đồng quản trị và triển khai các kế hoạch công việc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể tham gia các cuộc họp của Ban Giám đốc để nắm bắt thông tin, phục vụ hoạt động điều hành và kiểm soát.

Các cuộc họp và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc phải được lập thành Biên bản và gửi đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kết quả triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp thực hiện để đảm bảo kế hoạch và nội dung khác nhằm phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc.

## **CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát**

Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị của Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ công ty không gây tổn hại đến lợi ích của Công ty và của cổ đông

Nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, kiểm soát tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Công ty.

### 1. Quan hệ phối hợp

a) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, trong đó quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;

b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực;

### 2. Quan hệ kiểm soát – Giám sát

a) Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích cho Công ty và Cổ đông;

b) Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;



d) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;

đ) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

e) Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông;

### **Điều 38. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị về công việc được giao.

Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

a) Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Ban Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua;

b) Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và các phương pháp, cách thức tiên hành và các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra;

c) Giám đốc và các bộ phận quản lý chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để trình Hội đồng quản trị. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với Pháp luật hiện hành thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;

d) Ban Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc như được quy định tại Điều lệ công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho Hội đồng quản trị biết;

đ) Ba (03) tháng và hàng năm, Ban Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần được Hội đồng quản trị giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;

e) Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Ban Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có biện pháp xử lý kịp thời;

g) Ban Giám đốc được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty;

h) Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị;

### **Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **1. Quan hệ phối hợp:**

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Ban Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban Kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành

#### **2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:**

a) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp nhất trong việc ra quyết định của Ban Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Giám đốc triệu tập họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban Kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

d) Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ;

đ) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban điều hành, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Ban Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;



**Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật có liên quan. Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan thực hiện theo Điều 43 của Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của người quản lý công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản

trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản b Điều này;

- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản c Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 45.2 và Khoản 45.3 Điều 45 Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời định kỳ và bất thường về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông, nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành về công bố thông tin.



## CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 42. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 8 Chương và 42 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh thông qua ngày      tháng năm 2021.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Các văn bản khác do Công ty ban hành trái với nội dung Quy chế này không còn hiệu lực thi hành. Các văn bản dưới ban hành không được trái với các nội dung trong Quy chế này;

3. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ký;

4. Khi áp dụng Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong quy chế quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, thì được quyền căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Luật doanh nghiệp để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của Công ty và không trái Pháp luật;

5. Trong trường hợp có những quy định mới của của Pháp Luật, Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra kỳ họp Hội đồng quản trị gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

**PHỤ LỤC**

**BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ BAN HÀNH TẠI ĐHQĐ CĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số ~~KB~~ **KB**/TT-HDQT-SBM ngày ~~19~~ **19** / ~~5~~ **5** /2021)

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
1	<b>Điều 1. Những căn cứ pháp lý</b> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; - Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ tài chính quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.	<b>Điều 1. Những căn cứ pháp lý</b> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan; - Căn cứ Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Điều chỉnh theo Luật hiện hành
1	<b>Điều 4. Quyền hạn của cổ đông</b> iv) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định của Điều lệ này và các Quy định Pháp luật	<b>Điều 4. Quyền hạn của các cổ đông</b> 1. đ) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và các quy định khác	Căn cứ - Điều 115, LDN 2020; - Điều 12, Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC - Quy định chi tiết hơn về





TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
2		<p>của Pháp luật</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>quyền của Cổ đông phổ thông; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có các quyền: Xem xét, tra cứu Nghị quyết HĐQT, yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ;... hoặc 10% có các quyền đề cử người vào HĐQT...</p> <p>Bãi bỏ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>
	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.</p> <p>3.</p> <p>ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên....</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên...</p>	

10/1/2018

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
3	<b>Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông</b> 1. đ) Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: 3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:	- Khoản 5, Điều 119 - LDN 2020 - Điều 13, Phụ lục I, Thông tư 116/2020/TT-BTC Bổ sung thêm nghĩa vụ của cổ đông
4	<b>Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điều 138 - LDN 2020: bổ sung chi tiết 1 số quyền hạn của ĐHĐCĐ mà LDN 2014 chưa đề cập đến
5	<b>Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ</b>	<b>Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> 2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 139 LDN 2020, HĐQT sẽ quyết định việc gia hạn thời gian ĐHĐCĐ TN thay vì Cơ quan đăng ký kinh doanh



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
		<p>thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2 Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	<p>- Khoản 1, Điều 167 LDN 2020</p> <p>- Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Bổ sung các trường hợp cần thông qua tại ĐHĐCĐ</p>
6	<p><b>Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ.</p>	<p><b>Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 141 LDN, quy định thời gian lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời thay vì 05 ngày như LDN 2014</p>

Mọi chi tiết xin liên hệ: 090 101 101 101

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
7	<p><b>Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p>	<p><b>Điều 10 Mời họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</p>	<p>Khoản 1, Điều 143, LDN 2020</p> <p>Khoản 3, Điều 18, Thông tư 116/TT-BTC: Kéo dài thời gian thông báo mời họp chậm nhất 21 ngày và hướng dẫn rõ ràng những nơi cần công bố thông tin</p>
8	<p><b>Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2.2 Điều 22 Điều lệ Công ty. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do</p>	<p><b>Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và</p>	<p>khoản 1 Điều 144 LDN 2020: không có sự giới hạn về số lượng người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ</p> <p>Bổ quy định ủy quyền phải lập theo mẫu Công ty phát hành, chỉ cần đáp ứng các quy định của Bộ luật dân sự hiện hành</p>



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	
9	<b>Điều 12. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.	<b>Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;	Khoản 1, Điều 145 Luật DN 2020 Thay đổi tỷ lệ
10	<b>Điều 26. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b> 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	<b>Điều 27. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</b> 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.	Khoản 4, Điều 148 LDN 2020 cho phép tỉ lệ là trên 50%, tỷ lệ cụ thể do Công ty quy định Khoản 3, Điều 22, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC
11	<b>Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> 5 v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua 6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể	<b>Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b> 5 d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng 6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi	Điểm đ, khoản 5, Điều 149, LDN 2020 Khoản 6, 8, Điều 22, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	<p>thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử www.sbm.com.vn của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
12	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p><b>Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điểm i, Điều 150, LDN 2020</p> <p>Thêm trường hợp Biên bản được chấp nhận khi chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản</p>
13	<p><b>Điều 20. Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của ĐHCĐ. Trong trường hợp nghị quyết do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó</p>	<p><b>Điều 20. Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 166 LDN2020: Loại bỏ điều kiện cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông liên tục trong 6 tháng.</p>



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	<p>và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</p>	<p>nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.</p>	
14	<p><b>Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành</p>	<p><b>Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 05 năm và không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện</p>	<p>Khoản 2, Điều 156, LDN 2020: Bổ sung quy định Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm Giám đốc</p> <p>Khoản 4, Điều 156 LDN 2020 bổ sung quy định khi CTHĐQT chết, mất tích....</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	<p>viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>4 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty</p> <p>7. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm</p>	<p>Khoản 5, Điều 156 LDN 2020: Thư ký không còn do Chủ tịch HĐQT tuyển dụng, bổ nhiệm mà do HĐQT quyết định</p> <p>Khoản 4, Điều 29, Phụ lục I, Thông tư 116/TT-BTC: chỉ rõ thời hạn bầu người thay thế trong trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm</p>
15	<p><b>Điều 27. Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc</p>	<p><b>Điều 27. Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp</p> <p>4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số</p>	<p>Điều 168 LDN 2020: sửa đổi quy định về TBKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các</p>

52  
T  
N  
T  
H  
X



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	<p>kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</p> <p>3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>
16	<p><b>Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV</b></p> <p>1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>3) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</p> <p>4) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p> <p>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1</p>	<p>Điều 169 LDN 2020: Bổ sung thêm điều kiện về tiêu chuẩn của kiểm soát viên được đào tạo đúng chuyên ngành...</p> <p>Sửa đổi KSV công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác</p>

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
		Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.	
17	<b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b>	<b>Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b> 1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp; 2. Các quyền và nghĩa vụ khác:	Khoản 3, Điều 170, LDN 2020 bổ sung quyền: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
18	<b>Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;	<b>Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</b> 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; iii) Có đơn từ chức và được chấp thuận; iv) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định. 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; ii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;	c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định. 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;	
19	<b>Điều 34. Giám đốc công ty</b> 2....Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp	<b>Điều 34. Giám đốc Công ty</b> 2....Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp. 5. Đối với công ty đại chúng, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này; b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện	Khoản 6, Điều 135 LDN 2020: Hướng dẫn chi trả cổ tức bằng cổ phần

11/10/2024

TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
		phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ; c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	
20	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác</b></p> <p>44.1 iii) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>44.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p>	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác</b></p> <p>3b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 45.1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản b Điều này;</li> <li>- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị</li> </ul>	<p>Khoản 2, 3 Điều 167 LDN 2020: thêm điều kiện chấp thuận hợp đồng, giao dịch</p> <p>Bổ sung thêm trường hợp hợp đồng, giao dịch bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua dù giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản trong báo cáo tài chính gần</p>



TT	Quy chế hiện hành	Quy chế sửa đổi	Lý do, tham chiếu Luật
	<p>44.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 44.2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	<p>lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p>	<p>nhất</p>